



act:onaid



Brot
für die Welt

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

LỒNG GHÉP NỘI DUNG QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

Tháng 9 năm 2022



MỤC LỤC

CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH	5
I. GIỚI THIỆU CHUNG	6
1.1. Cơ sở pháp lý	6
1.2. Cơ sở thực tiễn	7
1.3. Mục tiêu của Tài liệu hướng dẫn	8
1.4. Đối tượng và phạm vi sử dụng	8
1.5. Cấu trúc của tài liệu	8
II. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	8
2.1. Giải thích thuật ngữ liên quan	8
2.2. Quy trình quản lý RRTT-DVCĐ	9
III. QUY TRÌNH VÀ NỘI DUNG LỒNG GHÉP	13
3.1. Mục đích ý nghĩa của lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCĐ	13
3.2. Nguyên tắc lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCĐ	14
3.3. Quy trình lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch PT KT-XH ở các cấp	14
3.4. Các nhóm biện pháp phòng, chống thiên tai vào kế hoạch KT-XH	22
3.5. Sử dụng công cụ hỗ trợ cho phân tích nội dung PCTT trong các lĩnh vực/ngành	24
3.6. Quy định của Thông tư 02/2021 Bộ NNPTNT	31
3.7. Lồng ghép yếu tố giới vào kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép giảm nhẹ RRTT, thích ứng BĐKH DVCĐ	32
IV. GIÁM SÁT – ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA LỒNG GHÉP NỘI DUNG QUẢN LÝ RRTT-DVCĐ VÀO KẾ HOẠCH PT KT-XH ĐỊA PHƯƠNG.	33
4.1. Khái niệm Giám sát – Đánh giá	33
4.2. Nội dung Giám sát, đánh giá và các nhóm/ loại chỉ số Giám sát, đánh giá	34
4.3. Quy trình Giám sát, đánh giá	36
4.5. Thời gian thực hiện Giám sát – Đánh giá	36
4.6. Trách nhiệm Giám sát – Đánh giá	36
PHỤ LỤC	37

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ NNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
DBTT	Dễ bị tổn thương
DVCD	Dựa vào cộng đồng
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
PCTT	Phòng, chống thiên tai
RRTT	Rủi ro thiên tai
RRTT-DVCD	Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
TTDBTT	Tình trạng dễ bị tổn thương

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các công cụ hỗ trợ thực hiện lồng ghép theo hướng dẫn của Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT	17
Bảng 2. Phân tích các ảnh hưởng của thiên tai, BĐKH đến từng ngành/lĩnh	25
Bảng 3. Phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp	26
Bảng 4. Ví dụ về kết quả phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp	27
Bảng 5. Tổng hợp giải pháp ưu tiên cho PCTT, thích ứng BĐKH	28
Bảng 6. Ví dụ kết quả tổng hợp giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCĐ ưu tiên theo mức độ khả thi của xã A	28
Bảng 7. Rà soát các nội dung, giải pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH để đáp ứng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của các lĩnh vực kinh tế, xã hội.	30

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ khái quát quy trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.....	10
Hình 2. Quy trình đánh giá RRTT, rủi ro BĐKH-DVCĐ	
Hình 3. Quy trình lồng ghép quản lý RRTT DVCĐ vào kế hoạch PT KT-XH	
Hình 4. Sơ hoạ mô tả mối quan hệ tương tác giữa Quản lý RRTT-DVCĐ và kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch PT KT-XH	
Hình 5. Sơ hoạ bản đồ vùng nguy cơ cao bởi thiên tai xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	
Hình 6. Mô hình trang trại sinh thái theo hướng kinh tế tuần hoàn cho hệ sinh thái nông nghiệp khu vực nội đồng	
Hình 7. Mô hình nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng ngập mặn gắn với du lịch cộng đồng ở vùng ven biển đồng bằng sông Hồng	

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2021, nhiều văn bản pháp lý quan trọng liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai được ban hành, điển hình như: Thủ tướng chính phủ ra Quyết định Số 553/QĐ-TTg vào tháng 4 năm 2021, phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) ban hành Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT vào tháng 6 năm 2021 về Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương; Tháng 12 năm 2022 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội (KT-XH). Mục tiêu cuối cùng của các văn bản pháp lý này là nhằm định hướng và hỗ trợ các địa phương đạt được phát triển KT-XH bền vững dựa trên tăng cường hiệu quả của công tác phòng, chống thiên tai nói chung và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (DVCD) nói riêng trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH).

Tài liệu Hướng dẫn về lồng ghép nội dung QLRRTT-DVCD vào Kế hoạch PT-KTXH địa phương được Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật Phòng chống thiên tai, Tổng Cục Phòng chống thiên tai, Bộ NN&PTNT chủ trì xây dựng với sự hỗ trợ của Tổ chức Quỹ Hỗ trợ chương trình, dự án an sinh xã hội Việt Nam (AFV). Mục tiêu nhằm cung cấp các hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ lập kế hoạch ở các cấp địa phương trong quá trình thực hiện lồng ghép nội dung của quản lý rủi ro thiên tai (QLRRTT) vào kế hoạch phát triển KT-XH các cấp cho giai đoạn sau năm 2021. Tài liệu được cấu trúc theo 4 phần chính: Giới thiệu chung; Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; Quy trình và nội dung lồng ghép QLRRTT DVCD vào kế hoạch KT-XH; và Giám sát – Đánh giá.

Tài liệu này có kế thừa, tham khảo các tài liệu liên quan đến đánh giá rủi ro thiên tai và lập kế hoạch PCTT của Tổng cục Phòng chống thiên tai và từ các Chương trình, dự án. Cuốn Tài liệu hy vọng sẽ phục vụ tốt cho đông đảo bạn đọc, trước hết cho các nhà quản lý và xây dựng, thực thi chính sách các địa phương trong công tác xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển; cho các Tổ công tác lập kế hoạch KT-XH hàng năm và theo giai đoạn ở các Tỉnh, huyện, xã; các bên liên quan tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển KT-XH.

Trong quá trình biên soạn nhóm chuyên gia đã tham vấn và nhận được sự đóng góp ý kiến, trực tiếp và sâu sắc của nhiều nhà quản lý, các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực có liên quan, tuy nhiên khó tránh khỏi những sai sót. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện những lần xuất bản sau.

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Cơ sở pháp lý

Các văn bản định hướng cho thực hiện lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCD:

- Luật Phòng chống thiên tai (Số 33/2013/QH13); Luật sửa đổi bổ sung PCTT và Luật đê điều (Số 60/2020/QH 14 ngày 17/6/2020);
- Chiến lược Quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021*);
- Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ban hành tháng 6 năm 2021 về Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.
- Đề án 553 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 553/QĐ -TTg ngày 06/04/2021: Hoạt động 6 của Hợp phần 3 là “thực hiện lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch PT KT-XH”.
- Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT, ngày 22/12/2021: Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Trong vòng hai thập kỷ qua (1995–2016), thiên tai ở Việt Nam đã làm hơn 13,000 người chết và gây thiệt hại về tài sản khoảng hơn 6,4 tỉ đô-la Mỹ¹. Thiên tai, BĐKH tác động tới tất cả các lĩnh vực và gây nhiều rủi ro lớn cho phát triển kinh tế - xã hội, làm ảnh hưởng đến thành quả của phát triển. Các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ GNRRTT và thích ứng BĐKH hiện nay được coi là một phần quan trọng của các chính sách phát triển. Quy trình Quản lý RRTT-DVCD được lồng ghép hệ thống và nhất quán vào lập kế hoạch phát triển KT-XH sẽ tăng cường hiệu quả thực tiễn của công tác lập kế hoạch PCTT và lập Kế hoạch phát triển KT-XH địa phương có lồng ghép các mục tiêu và nội dung PCTT và thích ứng BĐKH.

Quản lý RRTT hiện nay còn nặng về đối phó, khắc phục hơn là phòng ngừa và thích ứng. Hơn nữa, việc lập kế hoạch PCTT dựa trên kết quả Đánh giá RRTT, BĐKH theo yêu cầu của Tổng cục PCTT chưa được tất cả các xã/phường thực hiện. Đến nay vẫn còn nhiều địa phương, nhiều ngành/lĩnh vực chưa thực hiện được đánh giá RRTT, rủi ro BĐKH DVCD do thiếu nhân lực và tài liệu hướng dẫn cụ thể. Điều này hạn chế việc xác định các mục tiêu, giải pháp ứng phó giảm nhẹ RRTT, BĐKH hiệu quả, lâu dài cho các lĩnh vực/ngành cụ thể, từ đó gây khó khăn cho quá trình lập kế hoạch phát triển có lồng ghép các nội dung PCTT, thích ứng BĐKH nói riêng và cân nhắc các rủi ro khí hậu, môi trường nói chung.

Khung hành động SENDAI đưa ra 04 ưu tiên hành động: 1) Hiểu biết về rủi ro thiên tai; 2) Tăng cường công tác quản trị để quản lý rủi ro thiên tai; 3) Đầu tư vào GNRRTT nhằm tăng cường khả năng chống chịu; 4) Tăng cường khả năng sẵn sàng để ứng phó hiệu quả và “Xây dựng lại tốt hơn” trong công tác phục hồi và tái thiết.

Việc lồng ghép quản lý RRTT, BĐKH–DVCD là rất cần thiết và sẽ góp phần tăng cường hiệu quả của công tác lập kế hoạch phòng, chống thiên tai cũng như đổi mới việc lập kế hoạch phát triển KT-XH của các cấp. Việc lập kế hoạch phát triển có lồng ghép, cân nhắc các rủi ro dài hạn cũng giúp hài hòa các mục tiêu phát triển KT-XH với sự an toàn của cộng đồng, tính bền vững của môi trường và tài nguyên trước rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.

¹ World Bank (2017), Toward Integrated Disaster Risk Management in Vietnam, Recommendations Based on the Drought and Saltwater Intrusion Crisis and the Case for Investing in Longer-Term Resilience – Overview, Washington DC.

1.3. Mục tiêu của Tài liệu hướng dẫn

- Hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ lập kế hoạch các cấp ở địa phương, đặc biệt là cấp cộng đồng thực hiện lập kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng BĐKH nói chung và đánh giá RTTT, rủi ro BĐKH (DVCD) nói riêng
- Cung cấp một tài liệu tham khảo cho các bên liên quan về lồng ghép quản lý RRTT, thích ứng BĐKH-DVCD trong các hoạt động phát triển ở địa phương.

1.4. Đối tượng và phạm vi sử dụng

Đối tượng sử dụng Tài liệu Hướng dẫn này bao gồm:

- Cán bộ cấp huyện và cấp xã làm công tác lập kế hoạch PCTT, kế hoạch thích ứng BĐKH, kế hoạch phát triển ngành/ lĩnh vực và kế hoạch phát triển KT-XH các cấp;
- Các bên liên quan, cán bộ dự án về thiên tai, BĐKH và người quan tâm đến công tác lập kế hoạch phát triển.

1.5. Cấu trúc của tài liệu

Tài liệu gồm 04 phần chính và đi kèm cùng các bảng, biểu, phụ lục và thông tin cần thiết, phù hợp với các nội dung của Thông tư:

I: Giới thiệu chung

II: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (RRTT-DVCD)

III: Quy trình và nội dung lồng ghép Quản lý RRTT-DVCD và kế hoạch KT-XH

IV: Giám sát, đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung Quản lý RRTT-DVCD

V: Phụ lục

II. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

2.1. Giải thích thuật ngữ liên quan

- *Thiên tai*: hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động KT-XH, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác. (Luật phòng, chống thiên tai, Điều 3).

- *Tình trạng dễ bị tổn thương*: những đặc điểm của một cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản khiến cho cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản đó dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động có hại từ hiểm họa tự nhiên. Tình trạng dễ bị tổn thương đề cập đến khuynh hướng của các yếu tố nhạy cảm với thiên tai như con người, sinh kế và tài sản bị ảnh hưởng bất lợi khi bị tác động bởi các thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương là kết quả của nguồn tài lực xã hội, điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, thể chế, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện môi trường và các quy trình.

- *Năng lực Phòng, chống thiên tai* là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, và các điều kiện và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức và xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Ví dụ: Năng lực ứng phó (tổ chức di dời kịp thời, diễn tập, tổ chức thành lập các nhóm ứng phó nhanh, cứu hộ); Hệ thống công trình (nhà kiên cố, hệ thống đê điều); ý thức, kinh nghiệm, kỹ năng của cộng đồng Phòng, chống thiên tai: quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai (Khoản 3, Điều 3 Luật PCTT).

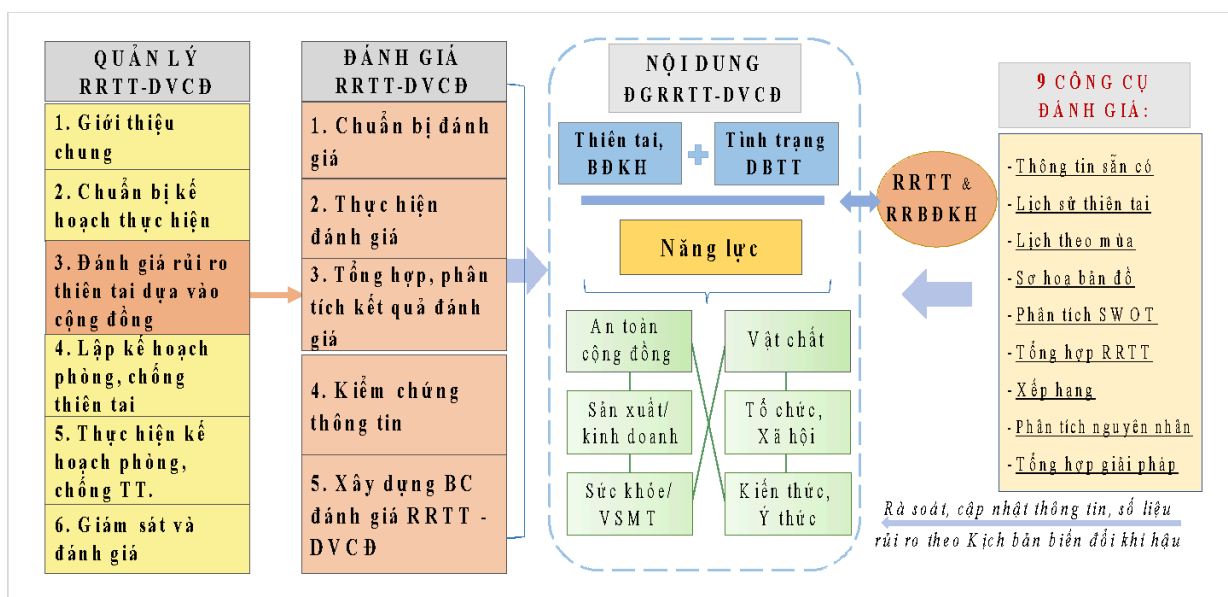
- *Rủi ro thiên tai* là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội. Ví dụ: Rủi ro thiên tai do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu...

- *Đánh giá RRTT-DVCD* là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân về: các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro thiên tai của cộng đồng.

2.2. Quy trình quản lý RRTT-DVCD

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (*QLRRTT-DVCD*) là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng chủ động và tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh BĐKH. (Tài liệu Quản lý rủi ro thiên tai DVCD dành cho cấp xã, Dự án GCF-UNDP, 2019).

Quy trình Quản lý RRTT-DVCD bao gồm 6 bước sau:



Hình 1.

Sơ đồ khái quát quy trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

(Phát triển dựa trên tài liệu hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai DVCD dành cho cấp xã,

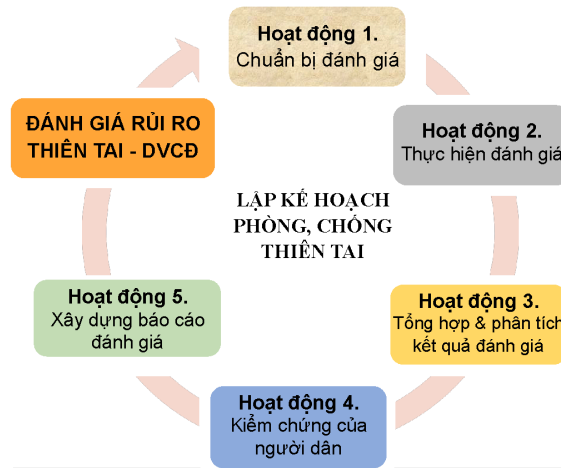
Dự án GCF-UNDP, 2019)

Bước 3 trong quy trình này có 6 bước của Quản lý RRTT-DVCD là bước quan trọng nhất mà Thông tư 02/2021-BNNPTNT đã quy định và yêu cầu khi lập kế hoạch PCTT phải dựa vào kết quả đánh giá RRTT, BDKH-DVCD. Tuy nhiên không phải tất cả các địa phương đều thực hiện bước này trong lập PCTT do còn hạn chế về phương pháp, kỹ thuật và thiếu nhân lực thực hiện đánh giá. Phần lớn các địa phương mới chỉ rà soát tình hình thiên tai theo khả năng, nguồn lực hiện có, cho nên Kế hoạch PCTT vẫn chỉ tập trung vào 3 giai đoạn: Trước – trong – sau thiên tai mà chưa có các giải pháp giảm nhẹ RRTT cho các lĩnh vực KT-XH. Điều này dẫn tới hạn chế trong công tác lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch PT KT-XH. Vì vậy, muốn lồng ghép hiệu quả nội dung PCTT vào lập kế hoạch PT KT-XH thì phải thực hiện bước 3 của Quy trình QLRRTT-DVCD.

(xem thêm hướng dẫn chi tiết về xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp tại Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2021)

Bước 3 - Đánh giá RRTT, rủi ro BDKH-DVCD:

Bước 3 cung cấp đầu vào chính cho lập kế hoạch PCTT các cấp, đặc biệt là cấp xã. Quy trình đánh giá gồm có 5 hoạt động chính được khái quát quy trình đánh giá RRTT, BDKH-DVCD được thể hiện như sơ đồ dưới đây:



Hình 2. Quy trình đánh giá RRTT, rủi ro BDKH-DVCD

1. Hoạt động 1: Chuẩn bị đánh giá

1.1. Kết quả mong đợi

- Các thông tin sẵn có của xã được thu thập, tổng hợp đầy đủ theo mẫu của Công cụ 1 (Công cụ đánh giá RRTT, BDKH -DVCD);
- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng được thành lập theo đúng quy định của Đề án 1002

1.2. Thời gian: trước khi tập huấn

1.3. Các hoạt động cụ thể:

- Văn phòng UBND xã thu thập thông tin sẵn có theo mẫu Công cụ 1
- Ban hành Quyết định thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng
- Chuẩn bị trang thiết bị, văn phòng phẩm cần thiết cho khoá tập huấn và đánh giá.

2. Hoạt động 2: Thực hiện tập huấn và đánh giá

2.1. Kết quả mong đợi

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng được tập huấn và trực tiếp thực hiện các công cụ đánh giá RRTT, BDKH-DVCD;
- Sau tập huấn, 10 thành viên của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật xã tham gia đầy đủ, tích cực và có năng lực sẽ thực hiện kiểm chứng thông tin với cộng đồng (lưu ý tỷ lệ nữ tham gia tối thiểu 30 % theo hướng dẫn của Thông tư 02/2021).

2.2. Thời gian: Tổ chức tập huấn 3 ngày

2.3. Các hoạt động cụ thể:

- Giới thiệu Đề án 553 và Thông tư 02/2021
- Giới thiệu khái niệm/thuật ngữ liên quan đến RRTT, BDKH
- Giới thiệu tổng quan về quản lý RRTT, BDKH-DVCD
- Hướng dẫn đánh giá RRTT, BDKH-DVCD
- Hướng dẫn sử dụng và thực hiện các công cụ đánh giá:

- Công cụ 2: Lịch sử thiên tai
- Công cụ 3: Lịch theo mùa
- Công cụ 4: Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai
- Công cụ 5: Điểm mạnh – Điểm yếu trong công tác PCTT

3. Hoạt động 3: Tổng hợp và phân tích thông tin

3.1. Kết quả mong đợi

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xã và Nhóm cộng đồng tổng hợp được RRTT, BĐKH và xếp hạng theo thứ tự ưu tiên cần quan tâm giảm thiểu;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xã và Nhóm cộng đồng sử dụng được công cụ phân tích nguyên nhân để đề xuất giải pháp giảm nhẹ RRTT và các hoạt động thực hiện của từng giải pháp.

3.2. Thời gian: ngày tập huấn thứ 2 và thứ 3

3.3. Các hoạt động cụ thể:

- Hướng dẫn sử dụng và thực hiện công cụ:
 - Công cụ 6: Tổng hợp rủi ro thiên tai, rủi ro BĐKH
 - Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro
 - Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp giảm nhẹ RRTT, BĐKH.
 - Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp và các hoạt động thực hiện của từng giải pháp

4. Hoạt động 4: Kiểm chứng thông tin với người dân

4.1. Kết quả mong đợi

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xã và Nhóm cộng đồng thực hiện trình bày kết quả thông tin thu thập được từ các công cụ;
- Người dân được tham gia đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và bổ sung thông tin

4.2. Thời gian: sau tập huấn

4.3. Các hoạt động cụ thể:

- Tổ chức họp dân theo 02 cụm thôn/ấp/xóm/tổ dân phố/bản (buổi sáng cụm 1, buổi chiều cụm 2)
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xã trình bày và thảo luận với người dân:
 - Xác định vùng nguy cơ cao của từng loại thiên tai trên bản sơ họa bản đồ và kiểm chứng bảng 1: Tổng hợp thảo luận vùng nguy cơ cao của các thôn trên sơ họa bản đồ.
 - Giới thiệu về BĐKH: Cho người dân xem Video tư liệu về BĐKH và hỏi về biểu hiện BĐKH mà người dân cảm nhận được hoặc GV hướng dẫn về BĐKH, nguyên nhân của BĐKH, giải pháp thích ứng BĐKH.
 - Sử dụng các bản đồ về Kịch bản BĐKH để thảo luận xác định: khu vực nguy cơ tiềm ẩn theo kịch bản BĐKH và Kiểm chứng bảng 2: Tổng hợp thông tin về kịch bản BĐKH của xã.

- Kiểm chứng thông tin và thảo luận với người dân bổ sung thông tin cho công cụ 3: Lịch theo mùa của xã.
- Tiến hành xếp hạng RRTT, BDKH (Công cụ 7)
- Thảo luận kiểm chứng phân tích giới (Bảng thảo luận phân tích giới sau Công cụ 7)
- Kiểm chứng thông tin và thảo luận với người dân bổ sung thông tin 3 bảng phân tích nguyên nhân và giải pháp GNRR (Công cụ 8)
- Nhóm HTKT tổng hợp thông tin và dự thảo Báo cáo
 - Đối chiếu, rà soát thông tin Công cụ 1 và điều chỉnh số liệu chênh lệch (nếu có) so với ý kiến người dân, thảo luận với lãnh đạo xã để thống nhất chỉnh sửa.
 - Tổng hợp công cụ 3: Lịch theo mùa và công cụ 4: Sơ họa bản đồ RRTT &RRKH (bổ sung ý kiến của người dân ở 2 cụm thôn)
 - Tổng hợp công cụ 6: Tổng hợp RRTT, BDKH-DVCD có bổ sung ý kiến của người dân ở 02 cuộc họp cộng đồng
 - Tổng hợp các RRTT, BDKH của 3 nhóm đã xếp hạng (nhóm HTKT, cụm thôn 1, cụm thôn 2) và thông qua ý kiến của lãnh đạo.
 - Tổng hợp Bảng phân tích Giới đã kiểm chứng bổ sung thông tin ở 2 cụm thôn
 - Tổng hợp bổ sung ý kiến của người dân ở 2 cụm thôn vào công cụ 8: phân tích nguyên nhân, Giải pháp
 - Tổng hợp RRTT, BDKH và giải pháp được xếp hạng mức độ khả thi Cao.
 - Công cụ 9: Toàn nhóm thảo luận, cho điểm và xếp hạng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên dưới sự hướng dẫn của giảng viên
 - Chia nhóm thảo luận đưa ra các hoạt động thực hiện giải pháp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tổng hợp kết quả của các nhóm và rà soát, chỉnh sửa.
 - Dự thảo báo cáo kết quả đánh giá

5. Hoạt động 5: Xây dựng báo cáo đánh giá

5.1. Kết quả mong đợi

- 10 thành viên của Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xã hoàn thành dự thảo Báo cáo đánh giá
- Báo cáo đánh giá được lãnh đạo và đại diện các Ban, ngành đoàn thể của xã thông qua
- Báo cáo đánh giá được hoàn thiện với các góp ý của lãnh đạo và đại diện các Ban, ngành đoàn thể của xã.
- Các giải pháp GNRRTT, BDKH được đưa vào Kế hoạch PCTT và lồng ghép vào Kế hoạch PT KT-XH.

5.2. Thời gian: ngày cuối cùng của đợt đánh giá

5.3. Các hoạt động cụ thể:

- Tổ chức họp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ với lãnh đạo xã và đại diện các Ban, ngành đoàn thể của xã.
 - Thông qua báo cáo tóm tắt
 - Trình bày kết quả hoạt động 6 ngày tại xã

- Trình bày tóm tắt báo cáo đánh giá
- Thảo luận các giải pháp GNRR cần phải đưa vào kế hoạch PT KT-XH của xã
- Hoàn thiện báo cáo đánh giá RRTT, BDKH-DVCD
- Nhóm HTKT tham mưu với Ban phòng, chống thiên tai của xã sử dụng kết quả đánh giá để xây dựng Kế hoạch PCTT và lồng ghép nội dung PCTT vào Kế hoạch PT KT-XH.

III. QUY TRÌNH VÀ NỘI DUNG LỒNG GHÉP

3.1. Mục đích ý nghĩa của lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCD

Lồng ghép đem lại nhiều lợi ích khác nhau:

- Tăng cường hiệu quả thực tiễn của công tác đánh giá RRTT, rủi ro BĐKH – DVCD và đóng góp cho lập kế hoạch PCTT;
- Giảm thiểu thiệt hại do tác động của thiên tai, BĐKH thông qua các biện pháp giảm nhẹ RRTT, thích ứng BĐKH phù hợp với từng cấp được lồng ghép vào kế hoạch phát triển;
- Tăng hiệu quả của các nguồn lực (cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, tài chính, con người và tự nhiên...) và hạn chế sự chồng chéo, lãng phí trong các hoạt động đầu tư, phát triển;
- Tăng cường hiệu quả và tính bền vững của các phương pháp tiếp cận giảm nhẹ RRTT, thích ứng BĐKH và thông qua hỗ trợ lẫn nhau, chia sẻ nguồn lực và trao đổi, tăng cường năng lực cho cán bộ địa phương và kiến thức, nhận thức cho động và các bên liên quan.

3.2. Nguyên tắc lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCD

- Việc lồng ghép quản lý RRTT-DVCD vào Kế hoạch PTKT-XH phải có sự tham gia của cộng đồng trong toàn bộ quá trình, trong đó có thực hiện các đánh giá RRTT, BĐKH và đề xuất giải pháp GNRRTT trung hạn, dài hạn phù hợp với các Lĩnh vực/Ngành cụ thể;
- Cần rà soát kế hoạch PT KT-XH và các kế hoạch phát triển của các lĩnh vực/ ngành của địa phương xem đã có các giải pháp tính đến giảm nhẹ RRTT, BĐKH chưa;
- Cần bám sát các biện pháp PCTT trong Kế hoạch PCTT (5 năm và hàng năm) và các kế hoạch có liên quan để sàng lọc, lựa chọn các biện pháp PCTT phù hợp cho lồng ghép vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Kế hoạch PT KT-XH của xã, chú trọng các lĩnh vực chủ chốt của địa phương, ví dụ: thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, du lịch, công trình thủy lợi,... (tùy bối cảnh từng địa phương).
- Đảm bảo yếu tố Giới và vai trò, nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương.

3.3. Quy trình lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch PT KT-XH ở các cấp

(xem thêm hướng dẫn theo Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ban hành ngày 22/12/2021)

3.3.1. Lồng ghép ở cấp Xã

Thực tế, lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch PT KT-XH ở cấp xã chính là việc đề xuất, rà soát **lựa chọn các biện pháp PCTT phù hợp, khả thi và có hiệu quả** để đưa vào các nội dung trong các lĩnh vực KT-XH phù hợp trong Kế hoạch phát triển KT-XH và kế hoạch phát triển ngành.

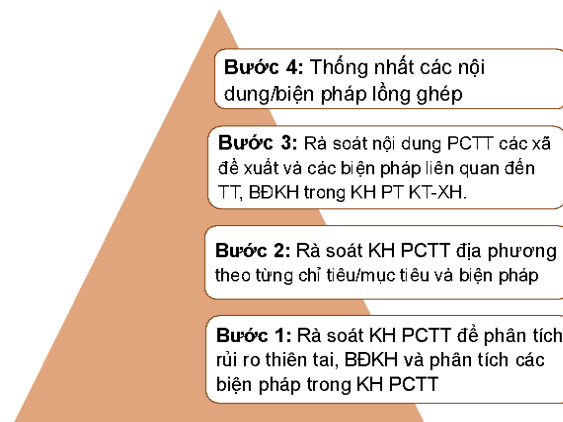
Tuỳ theo kết quả đánh giá rủi ro, thực tế địa phương và khả năng đáp ứng về các nguồn lực để **lựa chọn các biện pháp ưu tiên** được đưa vào kế hoạch theo giai đoạn hoặc kế hoạch hàng năm, và kế hoạch này sẽ được thực hiện trước.

Các biện pháp còn lại chưa được chọn ưu tiên sẽ **được đưa vào năm/ giai đoạn tiếp theo** hoặc các kế hoạch phát triển ngành, các chương trình, dự án liên quan khác.

Tiến trình thực hiện lồng ghép ở cấp xã có thể gồm các bước chính:

- Giới thiệu các văn bản quy định pháp luật có liên quan (Thông tư 02/2021-TT-BNNPTNT, TT10/2021-BKHĐT, Đề án 553/QĐ-TTg, Nghị định 78/2021/NĐ-CP về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai ...)

- Giới thiệu các **nội dung của kế hoạch PCTT** của xã theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 02/2021-BNNPTNT;
- **Rà soát các giải pháp PCTT** trong kế hoạch PCTT, kế hoạch thích ứng BĐKH, KH PT KT-XH năm trước (các biện pháp chưa được thực hiện) và các KH phát triển ngành/ lĩnh vực có liên quan để chọn các giải pháp phù hợp cho lồng ghép vào các lĩnh vực KT-XH.
- **Lựa chọn các giải pháp ưu tiên** để lồng ghép vào các lĩnh vực/ngành của kế hoạch PT KT-XH (theo cách chọn ưu tiên nêu tại Điều 9 của TT10/2021 và sử dụng công cụ hỗ trợ tại Phụ lục
- Thống nhất các giải pháp PCTT khả thi cao mà xã có thể thực hiện được và các giải pháp đề xuất sự hỗ trợ của cấp huyện và lĩnh vực/ngành;
- **Đề xuất** với lãnh đạo và xin ý kiến góp ý từ các ban ngành đoàn thể;
- Trình Kế hoạch PT KT-XH có lồng ghép lên Hội đồng nhân dân.



Hình 3. Quy trình lồng ghép quản lý RRTT DVCĐ vào kế hoạch PT KT-XH

UBND xã chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo công chức được giao phụ trách quản lý nhà nước về công tác phát triển kinh tế -xã hội: chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thu thập, phân tích số liệu, xây dựng dự thảo kế hoạch, tham mưu trình UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm và kế hoạch thực hiện hằng năm; phối hợp với công chức phụ trách Tài chính Kế toán tham mưu, đề xuất nhu cầu về nguồn lực và kinh phí để thực hiện kế hoạch.

b) Chỉ đạo công chức được giao phụ trách quản lý nhà nước về công tác PCTT và BĐKH: chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thu thập, phân tích số liệu, xây dựng dự thảo kế hoạch, tham mưu trình UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch PCTT 05 năm và kế hoạch thực hiện hằng năm; phối hợp với công chức phụ trách Tài chính Kế toán tham mưu, đề xuất nhu cầu về nguồn lực và kinh phí để thực hiện kế hoạch.

c) Chỉ đạo Tổ lập kế hoạch liệt kê, xác định các giải pháp và các giải pháp ưu tiên PCTT để lồng ghép (tham khảo Bảng 3).

3.3.2. Lồng ghép ở cấp huyện

- Giới thiệu các văn bản quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là Thông tư 02/2021-TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021, Đề án 553/QĐ-TTg ngày 06/04/2021, Thông tư 10/2021-BKHĐT ngày 22/12/2021;

- Giới thiệu các nội dung của kế hoạch PCTT của huyện theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 02/2021-BNNPTNT;
- Xem xét các giải pháp đề xuất lồng ghép của các xã với sự phù hợp với các chiến lược phát triển KT-XH và các ưu tiên về GNRRTT, ứng phó BĐKH của huyện;
- Rà soát các giải pháp GNRRTT của kế hoạch PCTT của huyện để lồng ghép vào các lĩnh vực/ngành của kế hoạch PT KT-XH;
- Thông qua các giải pháp GNRRTT do xã đề xuất để cân nhắc tích hợp vào các chiến lược PT KT-XH và chiến lược phát triển ngành các năm, giai đoạn tiếp theo.

UBND huyện có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo phòng chức năng được giao quản lý nhà nước về công tác phát triển KT-XH: chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thu thập, phân tích số liệu, xây dựng dự thảo kế hoạch, tham mưu trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm và hàng năm, theo hướng dẫn của UBND tỉnh.
- b) Chỉ đạo phòng chức năng được giao quản lý nhà nước về PCTT, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện: thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, tham mưu trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch PCTT 05 năm và kế hoạch thực hiện hằng năm theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- c) Chỉ đạo phòng chức năng được giao quản lý nhà nước về BĐKH: chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện: thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, tham mưu trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch ứng phó với BĐKH 05 năm và kế hoạch thực hiện hằng năm theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cụ thể, để thực hiện Thông tư này:

- UBND huyện, ban hành chỉ thị về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, trong đó yêu cầu phải có nội dung lồng ghép giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH.
- Phòng KHTC ban hành khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, trong đó hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH vào kế hoạch của huyện.
- Chỉ đạo xác định các giải pháp và các giải pháp ưu tiên để lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH ở từng địa phương (xem Bảng 10).

3.3.3. Lồng ghép ở cấp tỉnh

- Giới thiệu các văn bản quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là Thông tư 02/2021-TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021, Đề án 553/QĐ-TTg ngày 06/04/2021, Thông tư 10/2021-BKHĐT ngày 22/12/2021;
- Giới thiệu các nội dung của kế hoạch PCTT và Kế hoạch ứng phó với BĐKH của tỉnh theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 02/2021-BNNPTNT và Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh;
- Xem xét các giải pháp đề xuất lồng ghép của các huyện có sự phù hợp với các chiến lược phát triển KT-XH và các ưu tiên về GNRRTT, ứng phó BĐKH của tỉnh;
- Rà soát các giải pháp GNRRTT của kế hoạch PCTT của các huyện để lồng ghép vào các lĩnh vực/ngành của kế hoạch PT KT-XH và các kế hoạch phát triển ngành;
- Thông qua các giải pháp GNRRTT do huyện đề xuất để cân nhắc tích hợp vào các chiến lược PT KT-XH và chiến lược phát triển ngành các năm, giai đoạn tiếp theo.

- Tổ chức tham vấn với các Sở/ngành liên quan về Kế hoạch PT KT-XH của tỉnh có lồng ghép nội dung PCTT

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Sở KH&ĐT phối hợp với các Sở, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện: thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, tham mưu trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm và hàng năm theo hướng dẫn của Bộ KH&ĐT

b) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện: thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, tham mưu trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch PCTT 05 năm và kế hoạch thực hiện hàng năm theo hướng dẫn của Bộ NN&PTNT.

c) Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện: Thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, tham mưu trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng phó với BĐKH 05 năm và kế hoạch thực hiện hàng năm theo hướng dẫn của Bộ TN&MT.

Cụ thể, để thực hiện Thông tư này:

- UBND tỉnh, ban hành chỉ thị về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, trong đó yêu cầu phải có nội dung lồng ghép giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH.
- Sở KH&ĐT ban hành khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, trong đó hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH vào kế hoạch của các Sở, các huyện theo bối cảnh chung của tỉnh.
- Chỉ đạo xác định các giải pháp và các giải pháp ưu tiên để lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH ở từng cấp.

□ Với các địa phương chưa thực hiện đánh giá RRTT, BĐKH DVCĐ để lập kế hoạch Phòng, chống thiên tai:

Cần thực hiện đầy đủ việc đánh giá rủi ro **thiên tai** theo các công cụ như trong quy trình quản lý RRTT - DVCĐ và sau đó thực hiện lồng ghép **nội dung PCTT vào kế hoạch PT KT-XH** theo **như hướng dẫn trong** Thông tư 10/2021-BKHĐT (Khoản 3 Điều 4).

Các địa phương chưa có Đánh giá RRTT, BĐKH để lập kế hoạch PCTT, thì cần phải sử dụng các công cụ để chủ động phân tích RRTT, BĐKH của các lĩnh vực/ngành cụ thể trong quá trình lập kế hoạch PT KT-XH nhằm tích hợp các giải pháp giảm nhẹ RRTT, BĐKH vào KH PT KT-XH để từng bước cải thiện việc lập kế hoạch PT KT-XH có tính đến tác động của thiên tai và BĐKH.

Các công cụ hỗ trợ cho việc thực hiện lồng ghép theo các bước của Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT như sau:

Bảng 1. Các công cụ hỗ trợ thực hiện lồng ghép theo hướng dẫn của Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT

Bước	Công cụ sử dụng	Đầu ra
BƯỚC 1: Xây dựng quan điểm, định hướng nội dung lồng ghép	- Nghị quyết, Quyết định và các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến chủ trương, định hướng phát triển ngành, KT-XH của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương	- Lãnh đạo địa phương, các cán bộ trực tiếp làm kế hoạch hiểu được quan điểm định hướng và yêu cầu, nội dung lồng ghép.

BƯỚC 2: Phân tích thực trạng về tác động của thiên tai, BĐKH đến từng lĩnh vực/ngành để lựa chọn giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD để lồng ghép	- Công cụ 1: Sơ họa bản đồ vùng nguy cơ cao	- Vùng nguy cơ RR cao của từng lĩnh vực/ngành
	- Công cụ 2: Công cụ phân tích ảnh hưởng của thiên tai, BĐKH đến các Lĩnh vực/Ngành	- Danh mục các RRTT, BĐKH của từng Lĩnh vực/Ngành
	- Công cụ 3: Xếp hạng RRTT, BĐKH của từng Lĩnh vực/Ngành	- Những RRTT, BĐKH được sắp xếp theo hứ tự quan tâm giảm thiểu lĩnh vực/ngành
BƯỚC 3: Phân tích sâu để định hướng giải pháp giảm RRTT, BĐKH dài hạn, ngắn hạn (giải pháp công trình, phi công trình) để lồng ghép vào KH PT KT-XH của địa phương	- Công cụ 4: Phân tích Nguyên nhân đưa ra giải pháp	- Danh mục các giải pháp thực hiện (công trình, phi công trình dài hạn, và ngắn hạn)
	- Công cụ 5: Tổng hợp các giải pháp ưu tiên theo mức độ khả thi	- Danh mục các giải pháp ưu tiên thực hiện (công trình, phi công trình dài hạn, và ngắn hạn)
	- Bảng tổng hợp giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD lồng ghép vào KH PT KT-XH	- Danh mục các giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD lồng ghép theo từng Lĩnh vực/Ngành
BƯỚC 4: Giám sát - đánh giá kết quả thực hiện lồng ghép nội dung PCTT vào Quy hoạch/ Kế hoạch PT KT-XH	Thực hiện theo Khung giám sát - đánh giá và các tiêu chí, chỉ số giá đánh giá	- Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép nội dung PCTT vào Quy hoạch/Kế hoạch PT KT-XH, các hạn chế và giải pháp khắc phục cho năm và sau giai đoạn tiếp theo.

□ Nếu địa phương đã thực hiện đánh giá RRTT, BĐKH DVCD để lập kế hoạch PCTT (như đề cập trong Điều 2 của Thông tư 10/2021), việc lồng ghép các mục tiêu, giải pháp PCTT vào kế hoạch PT KT-XH sẽ cần chú ý:

- i) Lựa chọn các giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD trong từng lĩnh vực KT-XH để lồng ghép vào các lĩnh vực KT-XH trong KH PT KT-XH
- ii) Phân tích sâu để định hướng các giải pháp (theo Thông tư 10/2021-BKHĐT)

Việc lồng ghép nội dung PCTT vào KH PT KT-XH của các địa phương đã có Đánh giá RRTT, BĐKH để lập kế hoạch PCTT thì thực hiện theo cách lồng ghép cơ học đúng tinh thần của Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT là “*Lồng ghép nội dung PCTT vào, Kế hoạch*”, tức là lựa chọn, thực hiện các biện pháp PCTT đã được xác định trong Kế hoạch PCTT, Kế hoạch thích ứng với BĐKH cùng cấp (hoặc các biện pháp PCTT khác đã được cấp thẩm quyền phê duyệt) để thực hiện cùng với các nội dung trong Kế hoạch PT KT-XH, cụ thể như sau:

- **Bước 1:** Xây dựng quan điểm, định hướng nội dung lồng ghép nhằm đảm bảo sự phù hợp, tính nhất quán với chủ trương, định hướng phát triển ngành, KT-XH của Chính phủ và các Bộ ngành, của địa phương.

- Bước 2: Lựa chọn các giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD để lồng ghép vào kế hoạch PT KT-XH

- + Thực hiện rà soát Chỉ tiêu/Mục tiêu, các Giải pháp theo các lĩnh vực/Ngành trong Kế hoạch PT KT-XH của địa phương, xem xét các Lĩnh vực/ngành đã có các giải pháp tính đến RRTT, BĐKH chưa (dùng Bảng số 1 đưa vào Cột 2 và 3);
- + Thực hiện rà soát các Biện pháp trong kế hoạch PCTT để lồng ghép vào kế hoạch PT KT-XH của địa phương theo Lĩnh vực/Ngành cụ thể (dùng Bảng 1 đưa vào Cột 4);

- Bước 3: Phân tích chi tiết để định hướng giải pháp giảm RRTT, BĐKH ngắn và dài hạn (giải pháp công trình, phi công trình) để lồng ghép vào KH PT KT-XH địa phương:

- + Thống nhất tiêu chí để lựa chọn giải pháp ưu tiên để lồng ghép vào KH PT KT-XH mà xã/huyện làm được và các giải pháp cần đề xuất cấp trên hỗ trợ, việc lựa chọn giải pháp theo các tiêu chí sau: (i) Tính khả thi về tài chính, kỹ thuật; (ii) Sự tham gia và hưởng lợi của cộng đồng và (iii) Đóng góp vào sự phát triển KT-XH bền vững của địa phương có tính đến PCTT và thích ứng BĐKH;
- + Xếp hạng ưu tiên các giải pháp cần hỗ trợ và Phân tích sâu hơn để có những giải pháp dài hạn (sử dụng Công cụ 4 về Phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp);
- + Tổng hợp nội dung PCTT lồng ghép vào KH PT KT-XH để đề xuất lên cấp trên;
- + Hoàn thiện kế hoạch PT KT-XH đã giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD.

- Bước 4: Giám sát - đánh giá kết quả thực hiện lồng ghép nội dung PCTT vào Quy hoạch/Kế hoạch PT KT-XH

(i) Nội dung giám sát, đánh giá:

- + Số lượng biện pháp, số vốn, tỷ lệ vốn của các biện pháp PCTT được lựa chọn lồng ghép vào Quy hoạch, Kế hoạch;
- + Mức độ ảnh hưởng, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTT được lồng ghép đến quá trình phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội và PCTT.

(ii) Thời gian giám sát, đánh giá kết quả lồng ghép nội dung PCTT vào Kế hoạch thực hiện theo kỳ của Quy hoạch, Kế hoạch.

(iii) Kết quả thực hiện lồng ghép nội dung PCTT vào Quy hoạch, Kế hoạch được thể hiện trong Báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch. Kết quả nêu rõ những mặt được, hạn chế, nguyên nhân và hướng khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện lồng ghép.

- **Những lưu ý lựa chọn giải pháp ưu tiên theo Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT:**
- *Biện pháp có phạm vi bảo vệ cuộc sống người dân rộng hơn thì được ưu tiên lựa chọn trước;*
- *Các biện pháp có cùng phạm vi bảo vệ cuộc sống người dân thì biện pháp nào có hiệu quả kinh tế cao hơn được ưu tiên lựa chọn trước;*
- *Các biện pháp có cùng phạm vi bảo vệ cuộc sống người dân và có cùng hiệu quả kinh tế thì đơn vị xây dựng Kế hoạch xem xét, quyết định dựa trên sự đáp ứng về nguồn lực;*
- *Khi xét phạm vi bảo vệ cuộc sống người dân cần đặc biệt ưu tiên đối với những đối tượng DBTT (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo và phụ nữ đơn thân làm chủ hộ) và cân nhắc những nhu cầu khác biệt về giới.*

3.3.4. Các vấn đề lưu ý khi thực hiện lồng ghép

Trên thực tế các địa phương, toàn bộ quá trình quản lý RRTT-DVCĐ đều nhằm xây dựng được các kế hoạch Phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH, các kế hoạch phát triển KT-XH các cấp và kế hoạch phát triển ngành/ lĩnh vực theo hướng giảm thiểu rủi ro, có khả năng thích ứng, chống chịu cao và bền vững trước các rủi ro thiên tai, BĐKH gia tăng.

Lồng ghép quản lý RRTT-DVCĐ vào kế hoạch PT KT-XH cần lồng ghép từ đánh giá hiện trạng, xác định mục tiêu, xác định và lựa chọn biện pháp, huy động và phân bổ nguồn lực, và giám sát, đánh giá. Cụ thể các hoạt động:

- Rà soát, phân tích, đánh giá hiện trạng và xu thế rủi ro thiên tai, rủi ro BĐKH, các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên;

- Xem xét các dự tính, dự báo nguy cơ thiên tai, BĐKH theo Kịch bản BĐKH cập nhật (tới các lĩnh vực, khu vực và đối tượng);

- Xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cho GNRRTT và giảm nhẹ, thích ứng BĐKH cho từng lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường;

- Xác định, lựa chọn các biện pháp/ hành động (ngắn hạn và lâu dài) cho giảm thiểu RRTT, rủi ro BĐKH phù hợp bối cảnh, điều kiện địa phương, chú trọng các biện pháp có thể kết hợp, gắn với các chương trình phát triển (như Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển rừng,...);

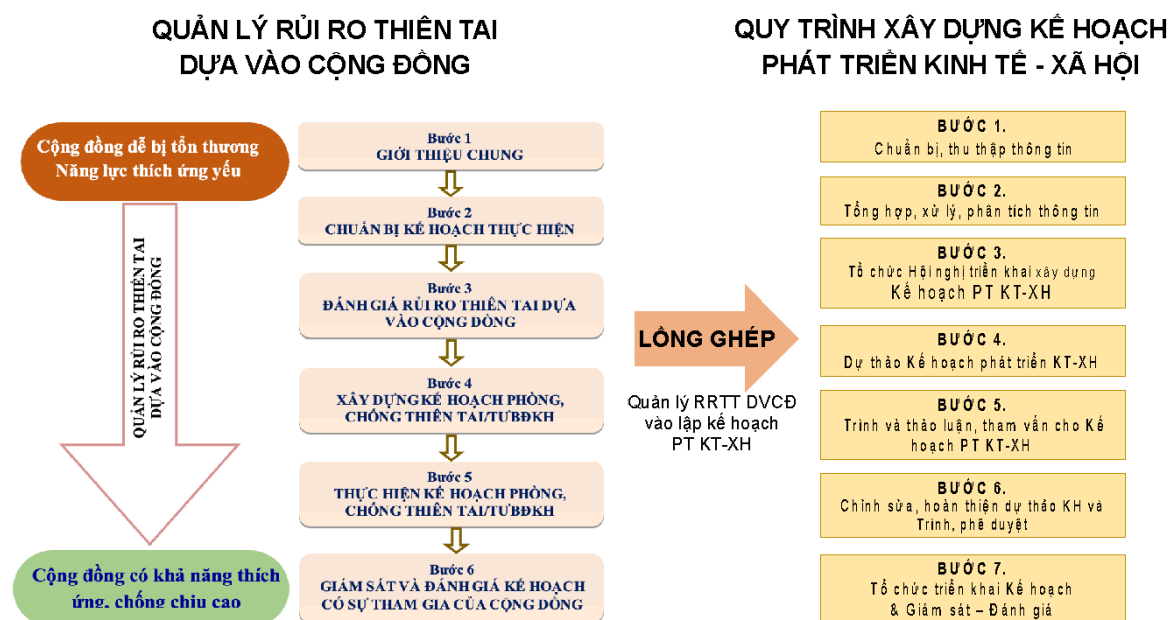
- Rà soát, phân tích, huy động và phân bổ các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng cho giảm thiểu RRTT, thích ứng và chống chịu BĐKH;

- Thực hiện giám sát, theo dõi và đánh giá (M&E) quá trình triển khai các biện pháp, dự án, kế hoạch cho phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH.

- **Lồng ghép trong xây dựng năng lực cán bộ:** Việc lồng ghép cũng bao gồm các kế hoạch, giải pháp cho tăng cường năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cán bộ chính quyền các cấp về quản lý, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT – DVCĐ.

- **Lồng ghép trong huy động và phân bổ nguồn lực,** gồm cả các nguồn lực vật chất và phi vật chất cho ứng phó thiên tai, BĐKH và phát triển, thuộc các nhóm chính sau: Chính sách, Cơ sở hạ tầng/ vật chất, Tài chính, Xã hội (con người và các mạng lưới, tổ chức trong cộng đồng, xã hội), và nguồn lực tự nhiên. Nguồn lực tài chính bao gồm các khoản đầu tư công và tài chính huy động từ lĩnh vực tư nhân, ngoài nhà nước.

Khái quát chung mối quan hệ tương tác giữa Quản lý RRTT-DVCD và kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch PT KT-XH trong sơ đồ dưới đây:



Hình 4. Sơ họa mô tả mối quan hệ tương tác giữa Quản lý RRTT-DVCD và kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch PT KT-XH

3.4. Các nhóm biện pháp phòng, chống thiên tai vào kế hoạch KT-XH

(tham khảo và theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2021-BNNPTNT)

Cần nhắc các nhóm biện pháp chính sau:

- Nhóm 1: Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến quá trình phát triển kinh tế-xã hội;
- Nhóm 2: Biện pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường và làm tăng nguy cơ thiên tai (phát sinh thêm rủi ro khi có thiên tai hoặc thời tiết xấu).
- Nhóm 3: Biện pháp xây dựng hệ thống hạ tầng kết hợp mục tiêu PCTT;
- Nhóm 4: Biện pháp PCTT do các lĩnh vực/ ngành, địa phương chủ động đánh giá đề xuất từ kế hoạch PCTT cùng cấp, kế hoạch thích ứng với BĐKH và các chương trình, dự án đã được phê duyệt.

• **Lựa chọn các biện pháp PCTT để lồng ghép vào Kế hoạch thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư 10/2021.**

Ở bước này, cần thực hiện 2 hoạt động sau:

- Hệ thống tất cả các nội dung và biện pháp PCTT, thích ứng với BĐKH đã được xác định trong 2 kế hoạch: Kế hoạch PCTT, và Kế hoạch thích ứng với BĐKH ở mỗi cấp, và các nguồn khác có liên quan, được sắp xếp theo:

- Lĩnh vực: Nông nghiệp, Giao thông vận tải, Tài nguyên-môi trường, Y tế, Giáo dục...
- Khu vực: Vùng đồng bằng ven biển, vùng núi, đô thị;
- Đối tượng dễ bị tổn thương, phục vụ cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch.

- Lựa chọn các giải pháp ưu tiên để lồng ghép ở mỗi cấp. Với mỗi loại hình thiên tai hoặc rủi ro khí hậu thì lựa chọn các giải pháp phù hợp, thuộc các nhóm: các biện pháp phi công trình và phi công trình, và có thể có các nhóm biện pháp hỗn hợp.

Để lựa chọn các giải pháp phi công trình ưu tiên cho lồng ghép, đơn vị xây dựng Kế hoạch căn cứ vào nội dung, hoạt động cụ thể của từng biện pháp phi công trình để có lựa chọn phù hợp. Kết quả là một danh sách các giải pháp phi công trình cần được lồng ghép.

Về giải pháp công trình: Các biện pháp công trình bao gồm các giải pháp về kết cấu, quy hoạch, kiến trúc, chẳng hạn:

- Xây dựng công trình kiên cố độ an toàn cao để có khả năng chịu thiên tai
- Đắp đê ngăn lũ, ngăn sóng biển; Xây dựng, nâng cấp công trình hạ tầng cấp, thoát nước;
- Quy hoạch và xây dựng khu vực đậu tàu thuyền tránh trú bão (đối với khu vực ven biển, hải đảo);
- Xây đập ở thượng nguồn để giảm ngập lụt hạ lưu
- Xây dựng đê kè để giảm sóng hay chuyển hướng dòng chảy
- Quy hoạch và xây dựng khu dân cư hợp lý, tính toán đầy đủ đến các biện pháp giảm nhẹ RRTT

Với các biện pháp phi công trình trong phòng ngừa, giảm nhẹ RRTT và thích ứng BĐKH là các giải pháp về phòng tránh, ứng phó, cứu nạn, trợ giúp và khắc phục cũng như thích ứng lâu dài với từng loại hình thiên tai hay các biểu hiện khí hậu cực đoan, ví dụ:

- Dự báo, cảnh báo thiên tai để di dời dân cư, tài sản, kho tàng khi cần thiết
- Có kế hoạch và phương tiện, sẵn sàng ứng cứu khi thiên tai xảy ra
- Lập quỹ dự phòng, mua bảo hiểm để hỗ trợ khi bị thiệt hại và tổn thất bởi thiên tai, BĐKH;
- Thay đổi thời vụ trồng trọt, thay đổi loại hình sản xuất kinh doanh để tránh thiên tai
- Nâng cao ý thức cho cộng đồng và các bên liên quan về giảm thiểu RRTT và chủ động thích ứng với BĐKH;

Với các biện pháp “mềm”, giải pháp sinh thái: là các giải pháp theo hướng dựa vào thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái và sử dụng các dịch vụ hệ sinh thái để giúp giảm thiểu các tác động, thiệt hại do thiên tai, BĐKH gây ra, đồng thời phát triển sản xuất theo hướng thích ứng với BĐKH và gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, ví dụ:

- Khôi phục và quản lý bền vững các vùng đất ngập nước và lưu vực sông để duy trì hoặc tăng cường nguồn lợi thủy sản và sinh kế dựa vào nghề cá, giảm rủi ro lũ lụt và cung cấp các lợi ích giải trí và du lịch;
- Sử dụng cơ sở hạ tầng (CSHT) tự nhiên ven biển như rừng ngập mặn, rừng phòng hộ,... để bảo vệ bờ biển và cộng đồng khỏi lũ lụt ven biển và giảm tác động của mực nước biển dâng;
- Phát triển các thực hành nuôi trồng thủy sản (NTTS) dưới tán rừng ngập mặn, nuôi tôm sinh thái,..

Xem Phụ lục 3 cung cấp các ví dụ cho giải pháp phi công trình và nội dung thực hiện cụ thể. Tùy theo cấp xã, huyện để cân nhắc để lựa chọn, tham khảo giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cấp quản lý và phù hợp với bối cảnh cụ thể cũng như nguồn lực thực tế của địa phương.

3.5. Sử dụng công cụ hỗ trợ cho phân tích nội dung PCTT trong các lĩnh vực/ngành

Bám sát quy trình đánh giá RRTT, rủi ro BĐKH-DVCD, các nhóm/ tổ công tác lập kế hoạch sử dụng nhóm 9 công cụ đánh giá có sự tham gia, tiêu biểu là các công cụ sau:

- i) Sơ hoạ bản đồ rủi ro thiên tai, BĐKH của lĩnh vực/ ngành
- ii) Phân tích tác động của thiên tai, BĐKH đến các lĩnh vực/ ngành để xác định rủi ro thiên tai, BĐKH.
- iii) Xếp hạng các rủi ro thiên tai, BĐKH của từng lĩnh vực/ ngành
- iv) Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp cho giảm thiểu RRTT, BĐKH của từng lĩnh vực/ngành
- v) Bảng rà soát nội dung PCTT lồng ghép vào Kế hoạch PT KT-XH (giải pháp địa phương có thể thực hiện được).

3.5.1. Sơ hoạ bản đồ rủi ro thiên tai, BĐKH của lĩnh vực/ ngành

Bản đồ là một trong những công cụ trực quan được sử dụng phổ biến nhất trong quá trình đánh giá rủi ro năm gần đây, các nhà nghiên cứu và chuyên gia đã và đang phát triển các phương pháp, giúp trình bày dưới dạng hình ảnh các mối nguy cơ và tính dễ bị tổn thương của các lĩnh vực, khu vực dưới dạng bản đồ rủi ro. Trong đánh giá RRTT dựa vào cộng đồng, công cụ này được thể hiện dưới dạng sơ hoạ với những phác thảo, phân tích tại thực địa do cộng đồng thực hiện. Đây là công cụ phân tích rủi ro hiệu quả và dễ thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong cộng đồng.

Mục đích:

Xác định các khu vực/vùng nguy cơ cao của ngành/lĩnh vực đối với từng loại thiên tai và biểu hiện của BĐKH (các yếu tố: nước biển dâng, hạn hán, nhiễm mặn, ngập lụt và nắng nóng kéo dài...) để phân tích sâu về RRTT, Tình trạng DBTT và Năng lực PCTT liên quan đến ngành/lĩnh vực cụ thể.

Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Sử dụng bản đồ nền của xã/huyện đã có xác định ranh giới địa lý của các thôn/xã sông, suối, đồi núi, phân bố dân cư, ruộng sản xuất, đường, cầu cống và các dịch vụ công cộng.... (xem mẫu ký hiệu ở Chú giải bên cạnh)
- **Bước 2:**
 - Dùng màu để khoanh vùng nguy cơ cao đối với từng loại thiên tai/biểu hiện của BĐKH;
 - Khai thác thông tin về thực trạng (điểm yếu, điểm thiếu và điểm bất lợi) của vùng nguy cơ cao về (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức, kiến thức tiếp cận KH-CN và thiệt hại 3 năm gần đây;



Hình 5. Sơ hoạ bản đồ vùng nguy cơ cao bởi thiên tai tại xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

3.5.2. Công cụ phân tích tác động của thiên tai, BĐKH đến các ngành/lĩnh vực

Mỗi loại hình thiên tai hoặc các rủi ro khí hậu gây tác động và ảnh hưởng khác nhau đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá... Sử dụng bảng dưới đây để phân tích các ảnh hưởng của thiên tai, BĐKH đến từng ngành/lĩnh vực.

Bảng 2. Phân tích các ảnh hưởng của thiên tai, BĐKH đến từng ngành/lĩnh

Loại hình thiên tai, yếu tố BĐKH	Ngành/yếu tố bị ảnh hưởng?	Mục tiêu/chỉ tiêu PT KT-XH?	Năng lực PCTT?	Điểm yếu, thiếu, bất lợi để PCTT?	Rủi ro TT, BĐKH?
.....	Lĩnh vực Kinh tế				
	Trồng lúa				
	Trồng hoa màu				
	Chăn nuôi				
	Nuôi thủy sản				
	Lĩnh vực VH-XH				
	Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường				
	Lĩnh vực an ninh Quốc phòng				
					

Mục đích: Phân tích thực trạng để xác định những RRTT, BĐKH của từng Lĩnh vực/Ngành cụ thể.

Cách thực hiện:

- Xác định các loại hình thiên tai/biểu hiện của BĐKH tác động đến ngành/lĩnh vực cụ thể (có xếp hạng mà địa phương quan tâm);
- Nêu các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển của Lĩnh vực//Ngành;
- Xác định năng lực PCTT và TTDBTT (điểm yếu, thiếu, bất lợi) trong việc PCTT của Lĩnh vực/Ngành cụ thể;
- Xác định những RRTT, BĐKH của Lĩnh vực/Ngành.

3.5.3. Công cụ xếp hạng các rủi ro thiên tai, BĐKH của từng lĩnh vực/ ngành

Mục đích: Sử dụng khi chọn xếp ưu tiên những rủi ro cần quan tâm giảm thiểu và những giải pháp có khả thi cao theo từng lĩnh vực (xếp hạng được sử dụng xuyên suốt trong quá trình lồng ghép).

Cách thực hiện:

- Thống nhất tiêu chí và nguyên tắc xếp hạng;
- Thực hiện việc cho điểm, xếp hạng;
- Thống nhất kết quả (thảo luận khi có quan điểm xếp hạng khác nhau).

Tiêu chí xếp hạng;

- Tiêu chí xếp hạng RRTT, BĐKH
 - 1) Mức độ nghiêm trọng;
 - 2) Phạm vi ảnh hưởng (nhiều hay ít, rộng hay hẹp);
 - 3) Thường xuyên xảy ra.
- Tiêu chí xếp hạng Giải pháp GNRRTT:
 - 1) Tính khả thi về tài chính, kỹ thuật;
 - 2) Sự tham gia và hưởng lợi của cộng đồng;
 - 3) Tính bền vững lâu dài của giải pháp đối với PCTT và thích ứng BĐKH.

3.5.4. Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp cho giảm thiểu RRTT, BĐKH của từng lĩnh vực/ngành

Mục đích: Phân tích nguyên nhân sâu xa của thực trạng về điểm mạnh, điểm yếu, thiếu, bất lợi để đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp

Cách thực hiện:

- **Cột (1):** Số thứ tự điền theo kết quả xếp hạng ưu tiên của RRTT ở công cụ xếp hạng.
- **Cột (2):** Điền RRTT và RRBĐKH đã được xếp hạng ưu tiên tương ứng với số thứ tự ở cột 1.
- **Cột (3):** Điền các chỉ số về TTDBTT của RRTT tương ứng với RRTT, BĐKH của ngành/lĩnh vực đó: (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức, kiến thức tiếp cận KH-CN và những thiệt hại 3 năm gần đây;

- **Cột (4):** Nguyên nhân của TTDBTT ở (Cột 3) để phân tích thực trạng tìm ra nguyên nhân sâu xa của điểm yếu, điểm thiếu và điểm bất lợi đó;
- **Cột (5):** Các giải pháp để giải quyết các nguyên nhân sâu xa về: (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức, kiến thức; (iv) tiếp cận KH-CN;
- **Cột (6):** Mức độ khả thi (Cao, TB, thấp) cho từng giải pháp căn cứ theo tiêu chí xếp hạng của giải pháp đã thống nhất.

Lưu ý: Khi đưa ra giải pháp phải căn cứ vào đặc điểm thiên tai, tình hình thực tế và chiến lược phát triển của địa phương. Từ kết quả xếp hạng RRTT & RRBĐK để Phân tích thực trạng của Lĩnh vực/Ngành theo bảng phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp sau:

Bảng 3. Phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp

TT ưu tiên	RR TT và RRBĐKH	TTDBTT (điểm yếu, thiếu, bất lợi)	Nguyên nhân (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức, kiến thức tiếp cận KH-CN	Giải pháp (Giải quyết nguyên nhân sâu xa về: (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức, kiến thức tiếp cận KH-CN	Mức độ khả thi (Cao, TB, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Bảng 4. Ví dụ về kết quả phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp

Thứ tự ưu tiên	RR TT và RRBĐKH	TTDBTT (điểm yếu, thiếu, bất lợi)	Nguyên nhân (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức và kiến thức tiếp cận KH-CN.	Giải pháp (Giải quyết nguyên nhân sau xa về: (i) Đặc điểm môi trường tự nhiên, hạ tầng cơ sở; (ii) Quản lý nhà nước và chính sách; (iii) Nhân lực - nhận thức và kiến thức tiếp cận KH-CN.	Mức độ khả thi (Cao, TB, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguy cơ giảm năng suất cây trồng, rau màu do nhiễm mặn	- Một số hộ dân quản lý hệ thống cống cấp - thoát nước ở các ao đầm nuôi cá chưa tốt ảnh hưởng đến hộ lân cận khi có xâm nhập mặn	- Một số hộ chưa sửa chữa, nâng cấp, kiên cố hoá các cống cấp - thoát nước, tâm lý chủ quan.	- Đầu tư sửa chữa, kiên cố hoá các cống cấp - thoát nước để điều tiết, ngăn mặn. - Nâng cấp hệ thống loa tuyên truyền,	- TB - Cao - Cao

		- Một số hộ dân chưa thực hiện theo thông tin cảnh báo xâm nhập mặn	- Thiếu ý thức áp dụng thông tin cảnh báo sớm - Một số hộ nằm sâu trong nội đồng chưa nắm bắt kịp thông tin	cần thông tin đến từng ấp, từng hộ dân - Nghiên cứu chuyển đổi giống cây trồng chịu được mặn và hạn mặn	
--	--	---	--	--	--

3.5.5. Tổng hợp giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD ưu tiên theo mức độ khả thi

Mục đích:

- Tổng hợp xếp hạng RRTT, BĐKH và giải pháp có mức độ khả thi cao để xếp hạng chọn ra những giải pháp cần ưu tiên thực hiện.

Cách thực hiện:

- Cột (1): Sử dụng công cụ xếp hạng để chọn RRTT của các lĩnh vực ưu tiên đã được xếp hạng (ghi rõ Lĩnh vực đi kèm của rủi ro được chọn ưu tiên)

- Cột (2): Cho điểm các rủi ro theo thứ tự ưu tiên theo thang điểm 10 (Số ưu tiên 1 là điểm 10, ưu tiên 2 là điểm 9...)

- Cột (3): giải pháp tương ứng với từng rủi ro đã được lựa chọn ưu (Lưu ý: mỗi rủi ro của một lĩnh vực có thể có nhiều hơn 1 giải pháp với mức độ khả thi cao).

- Cột (4): Cho điểm giải pháp theo thang điểm 10-1 (khả thi cao nhất là 10 điểm và thấp nhất là 1 điểm)

- Cột (5): Tính giá trị điểm tổng hợp của rủi ro và giải pháp tương ứng: Cột (5) = cột (2) x cột (4)

- Cột (6): dựa vào kết quả tính ở cột 5 (điểm cao nhất xếp hạng 1 và ít điểm nhất xếp hạng kém ưu tiên...) để đưa các Giải pháp theo thứ tự ưu tiên đó vào Bảng 2

Bảng 5. Tổng hợp giải pháp ưu tiên cho PCTT, thích ứng BĐKH

Thứ tự xếp hạng các RRTT và RRBĐKH cần ưu tiên giảm thiểu	Điểm ưu tiên (Cho điểm từ 1-10)	Các giải pháp tương ứng cho rủi ro được xếp hạng ưu tiên	Điểm ưu tiên (cho điểm từ 1-10)	Tổng hợp Mức độ ưu tiên	Thứ tự ưu tiên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (2)x(4)	(6)

Bảng 6. Ví dụ kết quả tổng hợp giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCD ưu tiên theo mức độ khả thi của xã A

Danh sách các RRTT và RRBĐKH được lựa chọn ưu tiên	Điểm ưu tiên (Cho điểm từ 1-10)	Danh sách các giải pháp tương ứng cho rủi ro được ưu tiên	Điểm ưu tiên (Cho điểm từ 1-10)	Tổng hợp Mức độ ưu tiên	Thứ tự ưu tiên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)x(4)	(6)
-Nguy cơ thiệt hại về rừng khi có bão xảy ra	10	- Giảm đến mức thấp nhất cho diện tích Rừng phòng hộ và rừng sản xuất khi có thiên tai	8	80	2
-Nguy cơ thiệt hại về nhà ở khi có bão xảy ra	9	- Sơ tán người dân ở các nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố đến nơi an toàn khi có bão cấp 10 trở lên	10	90	1
		- Hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho các hộ phụ nữ đơn thân.	5	45	5
-Nguy cơ thiếu nước sạch khi có thiên tai	8	- Đảm bảo làm tốt công tác vệ sinh môi trường, tiêu độc khử trùng kịp thời và phòng chống dịch bệnh sau thiên tai	5	40	7
-Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai	7	- Tu sửa, nâng cấp một số tuyến đường giao thông bị hư hỏng sau thiên tai	8	56	3
-Nguy cơ thiệt hại về đường giao thông khi có bão kèm theo mưa lớn	6	- Cải thiện hệ thống dây điện, cột điện và điện sau công tơ an toàn.	9	54	4
-Nguy cơ thiệt hại về hệ thống điện khi có bão xảy ra	5	- Giảm đến mức thấp nhất thiệt hại cho đàn gia súc, gia cầm khi có thiên tai và thời tiết cực đoan	8	40	6
-Nguy cơ thiệt hại về chuồng trại chăn nuôi và thiệt hại về đàn gia súc gia cầm khi có bão	4	- Giảm đến mức thấp nhất thiệt hại cho đàn gia súc, gia cầm khi có thiên tai và thời tiết cực đoan	8	32	8
-Nguy cơ thiệt hại về hoa màu và lúa khi có bão kèm theo mưa lớn	3	- Giảm đến mức thấp nhất thiệt hại cho diện tích sản hoa màu và lúa khi có thiên tai xảy ra	8	24	9
-Nguy cơ ô nhiễm môi trường diện rộng khi có bão, hạn hán	2	- Giảm đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường sau thiên tai	7	14	10
-Nguy cơ bị thiệt hại về người khi có thiên tai	1	- Nâng cao nhận thức cho người dân về đảm bảo an toàn tính mạng trong mùa thiên tai	10	10	11

3.5.6. Công cụ bảng rà soát nội dung, giải pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH để lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH

Mục đích:

- Rà soát, chỉ tiêu/Mục tiêu và giải pháp có trong kế hoạch PT KT-XH theo từng Lĩnh vực/ngành và giải pháp giảm RRTT, BĐKH trong kế hoạch PCTT để lồng ghép ứng với từng lĩnh vực/ngành cụ thể trong điều kiện địa phương.

Cách thực hiện

- Tổng hợp các mục tiêu, chỉ tiêu của từng lĩnh vực có trong kế hoạch PT KT-XH;

- Rà soát các giải pháp có trong kế hoạch PT KT-XH của địa phương đã có;
- Rà soát các giải pháp có trong Kế hoạch PCTT dựa trên kết quả Đánh giá RRTT, BDKH để chọn những giải pháp giảm RRTT, BDKH đề xuất lồng ghép vào kế hoạch PT KT-XH.

Bảng 7. Rà soát các nội dung, giải pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng BDKH để đáp ứng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Biện pháp trong kế hoạch PT KT-XH	Biện pháp trong kế hoạch PCTT
I	Lĩnh vực Kinh tế		
1			
2			
II	Lĩnh vực Văn hoá – xã hội		
1			
2			
III	Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường		
1			
2			
IV	Lĩnh vực an ninh Quốc phòng		
1			
2			

Xem chi tiết các ví dụ gợi ý về các tiêu chí, chỉ số cho các biện pháp phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến PCTT, thích ứng với BDKH như Phụ lục 2.

3.6. Quy định của Thông tư 02/2021 Bộ NNPTNT

Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai ở các cấp Tỉnh, Huyện và Xã thể hiện cụ thể ở các Điều cụ thể như dưới đây, trong đó các yêu cầu, nội dung về “Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai” và “Nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai” được quy định cụ thể ở Điều 19 và 20 đối với cấp xã; Điều 13 và 14 đối với cấp Huyện; và Điều 6, 7, 8 đối với cấp Tỉnh, cụ thể:

Cấp Xã: nội dung Kế hoạch PCTT được quy định ở các Điều 17, 18, 19, 20 và 21

Điều 17. Nội dung kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã

Điều 18. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp xã

Điều 19. Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai cấp xã

Điều 20. Nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

Cấp Huyện: nội dung Kế hoạch PCTT quy định ở các Điều 11, 12, 13, 14, 15 và 16

Điều 11. Nội dung kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp huyện

Điều 12. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp huyện

Điều 13. Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện

Điều 14. Nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai

Điều 15. Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch PCTT.

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

Cấp Tỉnh: nội dung Kế hoạch PCTT được quy định ở các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10

Điều 4. Nội dung kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh

Điều 5. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp tỉnh

Điều 6. Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai

Điều 7. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai

Điều 8. Nội dung, biện pháp phòng, chống thiên tai

Điều 9. Nguồn lực, tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

3.7. Lồng ghép yếu tố giới vào kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép giảm nhẹ RRTT, thích ứng BĐKH DVCĐ

Lồng ghép giới trong giảm nhẹ RRTT, thích ứng BĐKH DVCĐ là yêu cầu bắt buộc trong tiến trình quản lý RRTT, BĐKH-DVCĐ và lập kế hoạch PT KT-XH có lồng ghép nội dung PCTT. Yêu cầu này được nêu trong các văn bản chính sách như Chiến lược quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch hành động về Bình đẳng Giới quốc gia, Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT, Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT và các văn bản pháp lý liên quan khác. Khung Hành động Sendai nêu rõ “cần lồng ghép quan điểm về giới, tuổi, tình trạng khuyết tật và văn hoá vào trong tất cả các chính sách và thực tiễn” và “phụ nữ cùng sự tham gia của họ là thiết yếu để có thể quản lý hiệu quả những RRTT”.

a) *Mục đích:* Đảm bảo bình đẳng giới trong các hoạt động quản lý RRTTDVCĐ, giảm thiệt hại và tăng khả năng chống chịu cho cả cộng đồng.

b) *Nguyên tắc và yêu cầu cho lồng ghép giới trong quản lý RRTT-DVCĐ:*

- Cân đối tỷ lệ phụ nữ so với nam giới trong tổng số thành viên tham gia Nhóm HTKT, Nhóm Cộng đồng và các hoạt động QLRRTT-DVCĐ từ 30% trở lên;
- Đảm bảo sự tham gia bình đẳng và hiệu quả của nam giới, phụ nữ có các ngành nghề, tôn giáo, trình độ văn hóa và độ tuổi khác nhau; đặc biệt là phụ nữ khuyết tật, phụ nữ là người cao tuổi, phụ nữ bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ nghèo, phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ đơn thân, phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số trong tất cả các hoạt động QLRRTT-DVCĐ;

- Thông tin của phụ nữ và nam giới cần được cung cấp từ chính phụ nữ và nam giới
- Tìm hiểu cụ thể các vấn đề khác biệt giữa nam giới và phụ nữ; đặc biệt với các đối tượng là người khuyết tật, người cao tuổi, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo, người nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, người đang mang thai, người sống đơn thân và đồng bào dân tộc thiểu số;
- Thực hiện phân tích giới trong QLRRTTDVCD
- Đảm bảo tiếng nói và ý kiến của phụ nữ và trẻ em gái được lắng nghe, ghi nhận trong cả quá trình đánh giá RRTT và BDKH, lựa chọn các biện pháp giảm thiểu và khi ra quyết định và lập kế hoạch, triển khai kế hoạch PCTT và kế hoạch PT KT-XH.
- Các giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BDKH DVCD PCTT cần đáp ứng các nhu cầu hợp lý khác nhau của nam giới và phụ nữ (cả nhu cầu thực tế trước mắt và các nhu cầu lâu dài).

IV. GIÁM SÁT – ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA LỒNG GHÉP NỘI DUNG QUẢN LÝ RRTT-DVCD VÀO KẾ HOẠCH PT KT-XH ĐỊA PHƯƠNG.

4.1. Khái niệm Giám sát – Đánh giá

Giám sát là một quá trình thu thập và phân tích dữ liệu định kỳ để so sánh tiến độ việc thực hiện lồng ghép các nội dung QLRRTT, thích ứng BDKH vào kế hoạch phát triển KT-XH với yêu cầu của mục tiêu ban đầu đã đề ra.

Giám sát thực hiện lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCD là một quá trình rà soát, thu thập và phân tích dữ liệu định kỳ để so sánh tiến độ của việc thực hiện lồng ghép các nội dung QLRRTT, thích ứng BDKH vào kế hoạch phát triển KT-XH với yêu cầu của mục tiêu ban đầu đã đề ra.

Báo cáo: Báo cáo, cùng với giám sát, thường vào khoảng thời gian hàng năm (hoặc nhiều hơn / ít thường xuyên hơn), phục vụ cho việc lưu trữ tiến độ và hỗ trợ các mục đích quản lý và trách nhiệm giải trình thường xuyên.

Giám sát, đánh giá việc lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCD là quá trình thu thập dữ liệu từ giám sát nhằm phân tích và làm rõ sự tương quan giữa kết quả đạt được trên thực tế của kế hoạch KT-XH có lồng ghép quản lý RRTT-DVCD so với các mục tiêu đã được xác định trong quản lý RRTT-DVCD hay các mục tiêu giảm thiểu RRTT, rủi ro BDKH DVCD, đồng thời đề xuất những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

Ý nghĩa của Giám sát, đánh giá: Việc Giám sát, đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung quản lý RRTT-DVCD vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KT-XH giúp cho việc thực hiện các kế hoạch PCTT và kế hoạch PT KT-XH có nội dung lồng ghép:

- Đưa ra các quyết định liên quan đến việc thực hiện lồng ghép nội dung QLRRTT-DVCD tại địa phương dựa trên cơ sở khách quan và thông tin đầy đủ.
- Đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất.
- Đánh giá được một cách khách quan kết quả việc thực hiện lồng ghép quản lý RRTT-DVCD và các biện pháp PCTT và kịp thời có các điều chỉnh, bổ sung cho năm và giai đoạn tiếp theo.

4.2. Nội dung Giám sát, đánh giá và các nhóm/ loại chỉ số Giám sát, đánh giá

Nội dung chính cho Giám sát và Đánh giá tập trung vào quá trình:

- Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai
- Lập kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép QLRTTT -DVCD

Hoạt động Giám sát và Đánh giá chú ý sự tham gia của cộng đồng vào các bước này trong đó có sự tham gia của các nhóm yếu thế vào thực hiện đánh giá rủi ro, đề xuất các giải pháp PCTT và thích ứng BĐKH, thực hiện các biện pháp PCTT và thụ hưởng kết quả của việc thực hiện các biện pháp đó.

Nhóm các chỉ tiêu/ chỉ số Giám sát – Đánh giá nên được cân nhắc và tập trung vào:

- Việc đánh giá, rà soát RRTT-DVCD, tác động của BĐKH đến các lĩnh vực KT-XH, môi trường, giáo dục, y tế,.. của địa phương.
- Các lĩnh vực KT-XH, môi trường, giáo dục, y tế,.. được cân nhắc, lồng ghép các mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng BĐKH.
- Số lượng các biện pháp PCTT và thích ứng với BĐKH đã được lồng ghép vào các lĩnh vực trong kế hoạch phát triển KT-XH.
- Số vốn, tỷ lệ vốn của các biện pháp PCTT và thích ứng với BĐKH được lựa chọn lồng ghép vào Kế hoạch KT-XH, kế hoạch hoạt động của các lĩnh vực.
- Số cán bộ địa phương và đại diện tổ chức đoàn thể, người dân đã tham gia vào đánh giá RRTT-DVCD và lập kế hoạch PCTT.
- Số chỉ tiêu phát triển KT-XH đề ra trong kế hoạch đã có sự lồng ghép nội dung giảm nhẹ RRTT (bao gồm cả biện pháp công trình và biện pháp phi công trình) và thích ứng với BĐKH;
- Nguồn lực thực tế đã được huy động để đầu tư cho nhu cầu phòng ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ứng phó với BĐKH; So với nhu cầu đã đáp ứng được bao nhiêu phần trăm;
- Tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các biện pháp PCTT và thích ứng với BĐKH đã được lồng ghép trong kế hoạch phát triển KT-XH.
- Hiệu quả kinh tế của việc thực hiện các biện pháp PCTT và thích ứng với BĐKH đã được lồng ghép và kết quả đóng góp vào Kế hoạch phát triển ngành, phát triển KT-XH.
- Hiệu quả môi trường của các biện pháp PCTT và thích ứng với BĐKH đã và đang được thực hiện.
- Hiệu quả về xã hội, văn hoá và giáo dục của các biện pháp PCTT và thích ứng với BĐKH đã và đang được thực hiện.
- Các thống kê và tổng hợp các thiệt hại và tổn thất vật chất và phi vật chất do thiên tai, BĐKH gây ra trong các lĩnh vực (i) An toàn cộng đồng; (ii) Sản xuất kinh doanh và (iii) Sức khỏe, vệ sinh môi trường? Mức độ tăng, giảm so với trước khi triển khai kế hoạch PT KT-XH có lồng ghép?
- Các tác động của rủi ro thiên tai và BĐKH đối với các vấn đề xã hội như: vấn đề chỗ ở của những gia đình bị thiên tai tàn phá (nếu có); tình hình sinh kế của người dân; tình hình dịch bệnh; dịch vụ y tế; mức độ ảnh hưởng việc học hành của học sinh;
- Mức độ phải đóng góp của người dân để khôi phục trường học, bệnh xá bị hư hỏng đã có chuyển biến gì sau khi đã thực hiện lồng ghép;

- Mức độ ảnh hưởng tiêu cực về môi trường do thiên tai và BĐKH gây ra tăng hay giảm so với trước khi thực hiện lồng ghép?
- Tỷ lệ nam – nữ tham gia và hiệu quả tham gia, lợi ích của các giới trong đánh giá RRRT, đề xuất giải pháp giảm nhẹ RRTT và xây dựng, triển khai các kế hoạch PCTT, kế hoạch PT KT-XH.
- Số lượng và các nhóm đối tượng được hưởng lợi từ các chương trình, hoạt động về phòng, chống thiên tai và thích ứng với BĐKH.
- Số lượng và năng lực của nhóm cán bộ lập kế hoạch PCTT và lập kế hoạch phát triển KT-XH địa phương.
- Tỷ lệ và hiệu quả thực chất sự tham gia của các giới trong toàn tiến trình QLRRTT DVCĐ (đặc biệt trong các bước: Đánh giá RRTT, xây dựng kế hoạch PCTT) và triển khai kế hoạch PT KT-XH có lồng ghép?
- Tỷ lệ và mức độ tham gia ở vị trí lãnh đạo, ra quyết định của phụ nữ và nam giới trong các biện pháp, dự án về giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH trong các lĩnh vực?
- Mức độ % đạt được của kế hoạch PCTT của địa phương so với yêu cầu của Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT.

4.3. Quy trình Giám sát, đánh giá

- 1) Đặt ra mục tiêu GS-ĐG việc lồng ghép Quản lý RRTT-DVCĐ vào kế hoạch KT-XH địa phương
- 2) Liệt kê các hoạt động GS-ĐG cần thực hiện
- 3) Xác định đầu vào và đầu ra của các hoạt động GS-ĐG
- 4) Lựa chọn và xác định các chỉ số đo lường GS-ĐG
- 5) Lựa chọn và xác định các phương tiện để kiểm chứng
- 6) Tham vấn bổ sung cán bộ, lĩnh vực/đơn vị có liên quan để khẳng định cho các kết quả GS-ĐG.

4.5. Thời gian thực hiện Giám sát – Đánh giá

Mỗi năm đánh giá 01 lần (tổng kết cuối năm), kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của năm trước, xây dựng kế hoạch năm sau. Kết thúc kế hoạch 5 năm đánh giá một lần kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của 5 năm trước để chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm sau.

4.6. Trách nhiệm Giám sát – Đánh giá

- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn hoặc lĩnh vực Nông nghiệp, nông thôn ở cấp huyện, xã chủ trì việc thực hiện và giám sát tiến trình thực hiện đánh giá RRTT-DVCĐ và lập Kế hoạch PCTT, giám sát và đánh giá việc triển khai các dự án, hoạt động về PCTT đã được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm và giai đoạn.
- Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Huyện, xã (hoặc đơn vị, phòng ban chuyên môn liên quan) là lực lượng trực tiếp tham gia công tác phòng, chống thiên tai và có nghĩa vụ giám sát, đánh giá, phản hồi về quá trình đánh giá RRTT-DVCĐ và thực hiện Kế hoạch PCTT và kết quả của công tác PCTT nói chung cũng như công tác quản lý rủi ro thiên tai DVCĐ nói riêng.

- UBND các cấp có trách nhiệm Giám sát – Đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép nội dung QLRRTT-DVCĐ thuộc cấp quản lý của mình, đảm bảo có sự tham gia các tổ chức đoàn thể và cộng đồng địa phương và thông tin đầy đủ kết quả Giám sát – Đánh giá đến các bên liên quan.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giải thích một số thuật ngữ bổ sung

- *Đánh giá rủi ro thiên tai*: một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.

- *Công trình PCTT*: công trình do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, bao gồm trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân và công trình khác phục vụ PCTT.

- *Biện pháp công trình*: bất kỳ một công trình xây dựng nào để giảm thiểu hoặc tránh các tác động do thiên tai có thể gây ra, hoặc việc ứng dụng các phương pháp kỹ thuật nhằm tăng cường khả năng chống chịu và độ đàn hồi của các công trình hoặc các hệ thống đó.

- *Biện pháp phi công trình*: bất kỳ biện pháp nào không liên quan đến xây dựng mà chỉ sử dụng kiến thức, cách thực hành hoặc thỏa thuận nhằm giảm thiểu rủi ro và tác động cụ thể bằng các chính sách, luật pháp, nâng cao nhận thức cộng đồng, tập huấn và giáo dục.

- *Khả năng chống chịu*: khả năng của một hệ thống và các hợp phần của nó có thể phán đoán, hấp thụ, điều chỉnh và vượt qua những ảnh hưởng của một hiện tượng nguy hiểm một cách kịp thời và hiệu quả kể cả khả năng giữ gìn, hồi phục và tăng cường các cấu trúc và chức năng cơ bản quan trọng của hệ thống đó.

- *Lồng ghép giới*: đưa các vấn đề quan tâm, nhu cầu, kinh nghiệm của nam giới và phụ nữ vào quá trình xây dựng, triển khai, giám sát, và đánh giá quy hoạch, kế hoạch giải pháp giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH DVCĐ, thích ứng BĐKH.

- *Phát triển có thông tin về rủi ro (Risk-Informed Development)*: công cụ chiến lược để lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH vào các chương trình phát triển, một cách tiếp cận giúp vượt qua các lỗ hổng chính sách và thúc đẩy quá trình thực hiện và địa phương hóa có sự tham gia, đóng góp vào việc cung cấp thông tin cho Chương trình nghị sự 2030 và đầu tư phát triển phòng ngừa rủi ro ở các quốc gia thuộc chương trình UNDP.

- *Phân tích chi phí hiệu quả*: một hình thức phân tích kinh tế so sánh chi phí và kết quả tương đối của các hành động khác nhau. Phân tích chi phí hiệu quả khác với phân tích lợi ích của chi phí, trong đó chỉ định giá trị tiền tệ cho thước đo hiệu quả.

- *Tình trạng dễ bị tổn thương*: những đặc điểm của một cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản khiến cho cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản đó dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động có hại từ hiểm họa tự nhiên. Tình trạng dễ bị tổn thương đề cập đến khuynh hướng của các yếu tố nhạy cảm với thiên tai như con người, sinh kế và tài sản bị ảnh hưởng bất lợi khi bị tác động bởi các thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương là kết quả của nguồn tài lực xã hội, điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, thể chế, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện môi trường và các quy trình.

- *Giải pháp dựa trên tự nhiên (NbS)*: những giải pháp/hoạt động nhằm giải quyết những thách thức của xã hội dựa vào các quá trình của tự nhiên. NbS, bằng cách phát triển và thực hiện các giải pháp được hỗ trợ bởi thiên nhiên, để tăng cường khả năng chống chịu/phục hồi của hệ ST-XH, đồng thời tạo ra các lợi ích về cả ba mặt xã hội, môi trường và kinh tế. NbS là một ‘khái niệm ô’, bao gồm các phương pháp tiếp cận ‘dựa trên hệ sinh thái’ đã được thiết lập khác như Thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái (EbA), Giảm nhẹ BĐKH dựa vào hệ sinh thái (EbM), Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào hệ sinh thái và Xây dựng cơ sở hạ tầng xanh, v.v....

- *BĐKH*: sự thay đổi trạng thái khí hậu có thể nhận biết được thông qua sự thay đổi giá trị trung bình và/hoặc sự biến thiên các đặc tính của nó theo một chiều hướng nhất định, và duy trì trong các thời đoạn kéo dài, theo tiêu chuẩn thường là hàng thập niên hoặc dài hơn.

- *Thích ứng với BĐKH*: sự điều chỉnh trong hệ thống tự nhiên hoặc nhân tạo để ứng phó với các tác nhân khí hậu hiện tại và tương lai, như làm giảm những thiệt hại hoặc tận dụng các cơ hội có lợi.

- *Thích ứng dựa vào hệ sinh thái (EbA)*: việc sử dụng ĐDSH và các dịch vụ HST như một phần của chiến lược thích ứng tổng thể để giúp con người thích ứng với các tác động bất lợi của BĐKH.

- *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*: công cụ quản lý kinh tế của nhà nước theo mục tiêu, được thể hiện bằng những mục tiêu định hướng phát triển KT-XH phải đạt được trong khoảng thời gian nhất định của một quốc gia hoặc của một địa phương và những biện pháp, chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra một cách có hiệu quả và cao nhất.

Phụ lục 2. Đường dẫn thông tin, tài liệu liên quan

(từ website của Tổng cục Phòng, chống thiên tai)

- Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT tại:
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Thong-tu-02-2021-TT-BNNPTNT-xay-dung-ke-hoach-phong-chong-thien-tai-cac-cap-o-dia-phuong-476971.aspx>
- Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT tại
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Thong-tu-10-2021-TT-BKHDT-long-ghep-phong-chong-thien-tai-vao-quy-hoach-phat-trien-kinh-te-498700.aspx>
- Quyết định Phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” tại đây:
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-553-QĐ-TTg-2021-Nang-cao-nhan-thuc-cong-dong-ve-thien-tai-den-nam-2030-470018.aspx>
- Các bài giảng trực tuyến về rủi ro thiên tai, nhận dạng các loại hình thiên tai.v.v tại website của Tổng cục Phòng, chống thiên tai:
<http://e-learning.dmptc.gov.vn:8077/chi-tiet-bai-giang/bai-3-huong-dan-danh-gia-rui-ro-thien-tai-dua-vao-cong-dong-1029>
- Tham khảo số liệu thống kê thiệt hại do thiên tai các năm tại trang thông tin:
<https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/Thong-ke-thiet-hai.aspx>
- Tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng dành cho cấp xã

Phụ lục 3: Ví dụ về sử dụng Bảng rà soát nội dung, giải pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH để lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Biện pháp trong kế hoạch P TKT-XH	Giải pháp từ kế hoạch PCTT đề xuất lồng ghép vào các lĩnh vực KT-XH
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Lĩnh vực Kinh tế		
1	Trồng trọt <i>Mục tiêu, tiêu:</i>		
-	Lúa	- Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp với điều kiện địa phương và mang lại hiệu quả kinh tế cao - Cũng cố và phát triển HTX và Tổ hợp tác, quan tâm hỗ trợ tạo điều kiện để HTX, Tổ HT tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và quỹ hỗ trợ HTX - Áp dụng khoa học kỹ thuật vào cây trồng vật nuôi	Kế hoạch PCTT: - Tập trung chỉ đạo nhân dân thu hoạch lúa hoa màu trước khi có bão đến, trường hợp chưa thể thu hoạch được phải củng cố lại các bờ bao cống ngăn triều cường. - Xem xét để thay đổi nhận thức của người dân cần nhắc việc chuyển đổi giống cây trồng phù hợp khi chưa có giải pháp hữu hiệu hơn. Bổ sung của lãnh đạo phường: - Cần hỗ trợ: Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán. Kết quả Đánh giá RRTT, BĐKH: - Đóng cống kịp thời - Chủ động cập nhật thông tin lịch triều cường - Chọn và thay thế bằng giống lúa chịu mặn - Chuyển 3 vụ thành 2 vụ - Cần hỗ trợ: Liên kết chuỗi giá trị giữa người dân và doanh nghiệp
-	Màu	Chưa có	Bổ sung của lãnh đạo phường: - Cần hỗ trợ: Nghiên cứu chuyển đổi cây trồng phù hợp với điều kiện địa phương chống chịu hạn mặn và mang lại hiệu quả kinh tế cao
2	Chăn nuôi <i>Mục tiêu, tiêu:</i>	- Chủ động phòng chống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra đối với hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm	Kết quả Đánh giá RRTT, BĐKH: - Nâng cao nhận thức cho người dân về chăn nuôi an toàn trước nắng hạn và xâm nhập mặn - Dùng rơm dự trữ thay thế thức ăn Bổ sung của lãnh đạo phường: - Sử dụng con giống phù hợp với vùng nguyên liệu thức ăn tại địa phương trong mùa hạn mặn
3	Thương mại, dịch vụ:	- Phối hợp, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh cá	Bổ sung của lãnh đạo phường:

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Biện pháp trong kế hoạch P TKT-XH	Giải pháp từ kế hoạch PCTT đề xuất lồng ghép vào các lĩnh vực KT-XH
	- Giá trị SX dịch vụ-Thương mại thực hiện đạt theo chỉ tiêu giao - Vận động phát triển 16 doanh nghiệp	thể, DN tiếp cận các chính sách, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế	- Cần hỗ trợ: Vận động các công ty doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ, phải đảm bảo lượng hàng hóa thiết yếu dự trữ, để bình ổn thị trường khi thiên tai xảy ra.
4	Tiểu thủ công nghiệp - Giá trị SX tiểu thủ CN thực hiện đạt theo chỉ tiêu giao	- Phát triển tiểu thủ công nghiệp với chuyển đổi cơ cấu kinh tế	Bổ sung của lãnh đạo phường: - Cần hỗ trợ: Đảm bảo hoạt động khi có thiên tai, kịp thời khắc phục sửa chữa các công trình trọng yếu bị hư hỏng.
		-	
II	Lĩnh vực VH-XH		
	Văn hoá:	-	
	Dân số:	-	
	Giáo dục	-	
	Y tế - Sức khoẻ cộng đồng:	-	

Phụ lục 4. Giải pháp mềm, dựa vào thiên nhiên/ hệ sinh thái

a) Khái niệm:

Giải pháp dựa vào thiên nhiên (NbS) là “các hành động để bảo vệ, quản lý bền vững và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên hoặc đã bị biến đổi nhằm giải quyết các thách thức xã hội một cách hiệu quả và thích ứng, đồng thời mang lại hạnh phúc cho con người và các lợi ích cho ĐDSH”(IUCN, 2016).

Các lĩnh vực ứng dụng NbS phổ biến hiện nay: Thích ứng (với BĐKH) dựa trên hệ sinh thái (EbA); Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào hệ sinh thái (Eco-DRR); xây dựng cơ sở hạ tầng dựa vào thiên nhiên/ cơ sở hạ tầng xanh (NBI), Giảm nhẹ (BĐKH) dựa vào hệ sinh thái (EbM); Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào thiên nhiên (NbS for DRR).

b) Các lĩnh vực áp dụng NbS: rất đa dạng, bao gồm

- Khôi phục và quản lý bền vững các vùng đất ngập nước và lưu vực sông để duy trì hoặc tăng cường nguồn lợi thủy sản và sinh kế dựa vào nghề cá, giảm rủi ro lũ lụt và cung cấp các lợi ích giải trí và du lịch;
- Phục hồi, bảo tồn rừng tự nhiên để hỗ trợ an ninh lương thực, năng lượng và thu nhập của cộng đồng, ứng phó BĐKH và ĐDSH;
- Khôi phục các vùng đất hạn hán, hạn mặn để cải thiện, tăng cường nguồn nước, sinh kế địa phương và tăng khả năng chống chịu BĐKH;
- Phát triển cơ sở hạ tầng xanh trong môi trường đô thị (ví dụ: tường xanh, vườn trên mái nhà, cây xanh đường phố, lưu vực thoát nước thực vật) để cải thiện chất lượng không khí, hỗ trợ xử lý nước thải và giảm ngập lụt, ô nhiễm nước cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân;
- Là việc khơi thông các dòng sông, tạo ra các lớp đệm thực vật dọc theo các dòng chảy...

c) Một số ví dụ về các giải pháp sinh thái, dựa vào thiên nhiên cho giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH:

• Cỏ Vetiver: Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và bảo vệ cơ sở hạ tầng

- ☐ Chịu được hạn và lũ lụt, ngập úng kéo dài.
- ☐ Xử lý ô nhiễm môi trường đất và nước, nước thải công nghiệp
- ☐ Giữ đất, chống xói mòn đất, sạt lở đất ➤ bảo vệ đất đai hoa màu...

• Kè mềm sinh thái – giải pháp chống sạt lở bờ sông, kênh

- ☐ Tăng độ che phủ cây xanh
- ☐ Cây bản địa
- ☐ Giảm sóng, giữ đất, chống sạt lở;
- ☐ Chi phí bằng 1/10 so với xây kè bê tông.
- ☐ Cộng đồng tham gia chủ động.

- ***Các mô hình sản xuất, sinh kế chống chịu và bền vững***
 - Mô hình Tôm – Lúa (ở Đồng bằng sông Cửu Long)
 - Mô hình NTTS dưới tán rừng ngập mặn
 - Mô hình NTTS dưới tán rừng ngập mặn
 - Mô hình làng thuần thiên
- ***Mô hình trang trại sinh thái theo hướng kinh tế tuần hoàn ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long (VACB hoặc VACR)***
 - Vườn
 - Ao nuôi thủy sản
 - Chuồng/ chăn nuôi lợn và gia cầm
 - Biogas
 - Lúa/ Ruộng hoặc rừng (rừng ngập mặn hoặc rừng trên cạn)
- ***Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, thuận tự nhiên ở Hà Tĩnh:***
 - Hàng rào tự nhiên
 - Nông lâm kết hợp, nuôi ong
 - Các loại cây họ đậu, hành tỏi
 - Cây ăn quả, cỏ, phân trộn
 - Xử lý sinh học
 - Ruộng bậc thang trên đất dốc
 - Hành lang xanh; Cây chắn gió
 - Cây bóng mát và vườn nhà
 - Ao nuôi thủy sản
- ***Mô hình nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng ngập mặn gắn với du lịch cộng đồng ở vùng ven biển đồng bằng sông Hồng***
 - Đa dạng sinh kế (Đánh bắt thủy sản, nuôi trồng thủy sản, du lịch cộng đồng)

☐ Đa dạng sản phẩm

☐ Đa dạng thu nhập

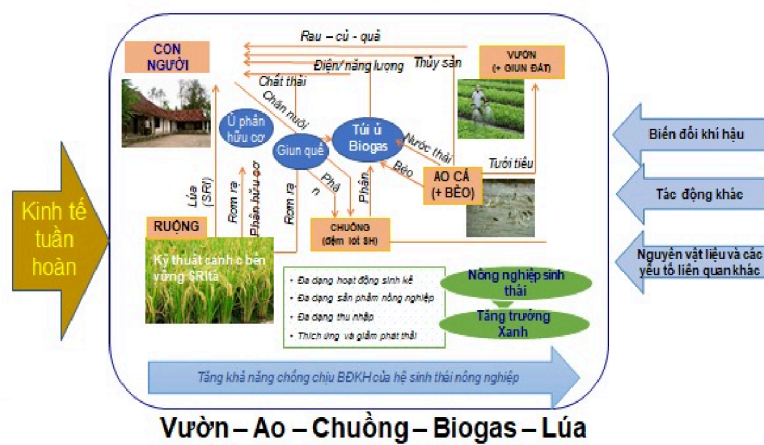
● **Thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái ở Bến Tre**

☐ Phục hồi rừng ven biển chống xói lở

☐ Vườn ươm giống cây ngập mặn

☐ Canh tác nông nghiệp thích ứng BĐKH

☐ Canh tác thủy sản tôm – rừng



Hình 6. Mô hình trang trại sinh thái theo hướng kinh tế tuần hoàn cho hệ sinh thái nông nghiệp khu vực nội đồng



Hình 7. Mô hình nuôi trồng thủy sản thích ứng với BĐKH dựa trên hệ sinh thái trong rừng ngập mặn gắn với du lịch cộng đồng ở vùng ven biển đồng bằng sông Hồng

Phụ lục 5. Tham khảo các chỉ số đánh giá việc lồng ghép nội dung QLRRTT-DVCD

Ví dụ về xác định các chỉ tiêu liên quan đến phòng, chống thiên tai, thích ứng BĐKH cho lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH ở cấp tỉnh, huyện và xã theo tiếp cận có sự tham gia. Tùy theo các kế hoạch KT-XH của từng cấp để lựa chọn các chỉ tiêu hoặc điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp với cấp quản lý và bối cảnh địa phương.

Các chỉ tiêu này cũng có thể được xem xét, lựa chọn thành các chỉ số để đánh giá kết

STT	TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Các hoạt động đánh giá RRTT-DVCD đã được đánh giá cho lĩnh vực NN&PTNT
2	Số cuộc diễn tập PCTT được thực hiện
3	Tỷ lệ khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển có biển báo, cảnh báo sạt lở hoặc được nạo vét, nâng cấp, sửa chữa trước mùa mưa.
4	Tỷ lệ hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng chịu ảnh hưởng mưa bão có chức năng cấp nước, tiêu úng.
5	Tỷ lệ các kênh rạch, cống thoát nước trong vùng chịu ảnh hưởng mưa bão
6	Tỷ lệ hoặc diện tích rừng được trồng mới (cây gỗ lớn, cây bản địa)
7	Số lượng các lớp diễn tập cứu hộ, cứu nạn về PCTT được tổ chức
8	Tỷ lệ phường/xã có cán bộ phụ trách công tác quản lý thiên tai được tham gia chương trình đào tạo nâng cao năng lực về PCTT, thích ứng với BĐKH
9	Số các biện pháp về PCTT, thích ứng BĐKH được cấp vốn và triển khai
10	Mức độ hoàn thành các dự án, công trình xây dựng, nâng cấp đê, kè sông, biển xung yếu ở khu vực có ảnh hưởng lớn
11	Các sáng kiến, thực hành nông nghiệp/ sinh kế nông nghiệp theo hướng giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH đã được thực hiện
12	Tỷ lệ có biển báo, cảnh báo nguy cơ đuối nước cho trẻ em tại các ao hồ, đập, sông ngòi, kênh rạch
13	Số lượng, tỷ lệ cán bộ làm công tác PCTT được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
16	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực tài nguyên và môi trường
2	Có kế hoạch và báo cáo hàng năm về thực hiện thích ứng với BĐKH

STT	TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ
3	Các chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên được tổ chức cho trẻ em và các đối tượng đích khác
4	Tỷ lệ địa phương được tổ chức chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em, người già khi thiên tai xảy ra
5	Tỷ lệ hộ dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai được trang bị kiến thức thích ứng và PCTT
6	Tỷ lệ khu bãi rác, nhà máy xử lý rác bị ảnh hưởng và có khả năng phát tán khi thiên tai xảy ra
7	Số các biện pháp cho thích ứng, giảm nhẹ BĐKH được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH
8	Số các biện pháp cho thích ứng, giảm nhẹ BĐKH được cấp vốn và triển khai
CÔNG THƯƠNG	
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực công thương
2	Tỷ lệ tiết kiệm điện
3	Tỷ lệ các điểm được xác định là khu vực xung yếu của hệ thống điện (trạm biến thế, đường dây truyền tải và lưới cung cấp) được rà soát, kiểm tra, gia cố nếu cần thiết để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra
4	Kế hoạch chuẩn bị cung cấp các mặt hàng thiết yếu trong và ngay sau thiên tai cho các vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, được lập chi tiết và chuẩn bị
5	Hoạt động sử dụng năng lượng tái tạo hoặc các loại năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh/huyện/xã
6	Tỷ lệ địa phương được tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và khuyến khích sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện
7	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng, giảm nhẹ BĐKH của lĩnh vực công thương được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH
8	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng, giảm nhẹ BĐKH của lĩnh vực công thương đề xuất đã được cấp vốn và triển khai
GIAO THÔNG VẬN TẢI	

STT	TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực giao thông vận tải
2	Tỷ lệ đường bộ và đường thủy trong khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai được bảo dưỡng, nâng cấp hoặc sửa chữa, xây mới.
3	Tỷ lệ đường bộ và đường thủy trong khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có biển báo, cảnh báo đảm bảo an toàn.
4	Tỷ lệ tàu thuyền có trang bị thiết bị an toàn như phao cứu sinh, xuồng cứu hộ, đèn chiếu sáng...
5	Có kế hoạch và báo cáo thực hiện PCTT, thích ứng BĐKH hàng năm
6	Có kế hoạch đảm bảo giao thông trước mùa mưa bão;
7	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng, giảm nhẹ BĐKH của lĩnh vực giao thông vận tải được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH
8	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng, giảm nhẹ BĐKH của lĩnh vực giao thông vận tải đề xuất đã được cấp vốn và triển khai
XÂY DỰNG	
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực xây dựng công trình
2	Tỷ lệ các công trình xây dựng đã tính tới, lồng ghép yếu tố giảm thiểu RRTT và thích ứng với tác động của BĐKH, đặc biệt là các công trình công cộng (nhà văn hoá, trường học, Trạm y tế, ...).
3	Số lượng hoặc tỷ lệ các công trình hạ tầng ở khu vực nông thôn thôn và đô thị, đặc biệt là trong các vùng thường xuyên có thiên tai xảy ra được đầu tư mới hoặc nâng cấp.
4	Có kế hoạch và báo cáo thực hiện công tác PCTT, thích ứng BĐKH hàng năm
5	Có các quy định hoặc văn bản hướng dẫn xây dựng có tính đến việc ứng phó thiên tai và BĐKH
6	Thực tế việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng phục vụ cho công tác thiết kế, thi công xây dựng công trình có tính đến PCTT và thích ứng BĐKH (mưa bão, ngập lụt, sạt lở đất, nước biển dâng, xâm nhập mặn)
7	Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng các mẫu nhà phù hợp với vùng bão, lụt có tính đến kịch bản BĐKH và nước biển dâng của tỉnh

STT	TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ
8	Số cán bộ được bồi dưỡng, đào tạo nâng cao về kỹ năng lập kế hoạch về PCTT, thích ứng BĐKH.
9	Tỷ lệ trường học, nhà trẻ, bệnh viện trong khu vực đô thị được cấp nước trong và sau thiên tai
10	Số hộ dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai được tuyên truyền, thông tin về mẫu nhà phù hợp với vùng xảy ra thiên tai
11	Số hộ dân sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất (bờ sông, bờ biển) được di dời hoặc có phương án di dời đảm bảo an toàn
12	Rà soát, đánh giá hiện trạng và thống kê các công trình xây dựng kiên cố, bán kiên cố của các hộ dân có nguy cơ cao bị ảnh hưởng do xảy ra sạt lở để có đánh giá, cảnh báo cho nhân dân được biết để có phương án phòng tránh.
13	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng, giảm nhẹ BĐKH của lĩnh vực xây dựng được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH
14	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT và thích ứng, giảm nhẹ BĐKH của lĩnh vực xây dựng đề xuất đã được cấp vốn và triển khai
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục được kiên cố hóa và có khả năng chống chịu và giảm nhẹ tác động của thiên tai
3	Trường học có kế hoạch/phương án hàng năm về ứng phó thiên tai
4	Số các cơ sở giáo dục được kiên cố hóa đạt chuẩn quốc gia và có khả năng chống chịu và giảm nhẹ các tác động của thiên tai ⁸
5	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đưa nội dung PCTT, thích ứng BĐKH vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường
6	Tỷ lệ các cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý thuộc ngành Giáo dục được nâng cao nhận thức về PCTT, thích ứng BĐKH.
7	Có quy trình chuẩn cho công tác PCTT và cứu hộ, cứu nạn thiên tai tại các cơ sở giáo dục
8	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT của lĩnh vực giáo dục và đào tạo được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH

STT	TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ
9	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT của lĩnh vực giáo dục và đào tạo đề xuất đã được cấp vốn và triển khai
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trong tỉnh/ huyện được tổ chức diễn tập công tác PCTT cho ngành giáo dục
Y TẾ	
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe.
2	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng trong thiên tai
3	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường tại các địa bàn dễ bị ảnh hưởng do tác động của BĐKH có đủ năng lực và cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng một cách có hiệu quả với các tình huống thiên tai và thời tiết cực đoan
4	Tỷ lệ cơ sở y tế xây mới hoặc cải tạo có áp dụng các giải pháp nhằm giảm thiểu RRTT và ứng phó với các tác động của BĐKH
5	Tỷ lệ bố trí kinh phí từ nguồn UBND tỉnh và các chương trình mục tiêu/dự án về Y tế cho hoạt động PCTT, thích ứng BĐKH
6	Tỷ lệ cán bộ cán bộ y tế địa phương (ở các địa bàn trọng điểm) được truyền thông và tập huấn về PCTT, ứng phó trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.
7	Tỷ lệ cơ sở y tế tại các tỉnh (huyện) trọng điểm có cơ sở vật chất đạt được tiêu chí cần thiết về chống chịu BĐKH và bền vững trong thiên tai
8	Tỷ lệ cơ sở y tế có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe khi xảy ra thiên tai
9	Tỷ lệ số cơ sở y tế (tỉnh/huyện) có kế hoạch/ phương án PCTT
10	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT của lĩnh vực y tế được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH
LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội
2	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được đào tạo nghề
3	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được tư vấn việc làm
4	Tỷ lệ đối tượng gặp thiên tai, tai nạn rủi ro đột xuất được đảm bảo cứu trợ kịp thời

STT	TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ
5	Tỷ lệ cán bộ bảo vệ trẻ em các cấp, cộng tác viên, tình nguyện viên được tập huấn nâng cao năng lực BVTE và PCTT, thích ứng BĐKH
6	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT của lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH
7	Số lượng, tỷ lệ cán bộ trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được nâng cao nhận thức, tập huấn về PCTT, thích ứng BĐKH.
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
1	Việc thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro, thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra cho lĩnh vực thông tin và truyền thông
	Thời lượng phát thanh tuyên truyền nội dung phòng, chống RRTT của Đài truyền thanh huyện, xã.
2	Thời lượng phát thanh tuyên truyền nội dung BĐKH và ứng phó BĐKH của Đài truyền thanh huyện, xã.
3	Việc triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào phòng, chống RRTT và ứng phó BĐKH
4	Số lượng, tỷ lệ cán bộ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được nâng cao nhận thức, tập huấn về PCTT, thích ứng BĐKH.
5	Số các biện pháp cho giảm thiểu RRTT của lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH